

# Bức Tranh Thay Đổi Thế Giới



*Minh Đức Triều Tâm Ảnh*

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

*Chuyển sang ebook 10-12-2015*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Lan Vi - dvlanvi@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục Lục

1. KHÓM MẶC LAN
2. ĐÔI BẠN
3. ĐIÊN CHỮ
4. MÙ SƯƠNG
5. TRẦM LUÂN LỤC TỬ
6. BỨC TRANH THAY ĐỔI THẾ GIỚI

---o0o---

## 1. KHÓM MẶC LAN

Sáng nay, thức dậy lúc sao mai chéch xé nóc nhà, ông giáo già lụi cùi nấu nước sôi, chế trà rồi đọc âm, thưởng trà cùng với sương sớm. Ông ngồi xếp bằng thế hoa sen, thẳng lưng, bụng chung trà cả hai tay, xoay xoay rồi nhấp từng ngụm nhỏ. Chậm rãi, cẩn trọng... ông uống trà, đồng thời, ông uống luôn cái vị, cái khí, cái không gian thanh bình, tĩnh lặng của miền quê cố đô yên ả... Mùa đông mà trời lạnh nhẹ, khá khô ráo, cũng lạ. Thời tiết đất Thần Kinh mấy năm nay thay đổi khá thú vị; cái mưa dầm thối đất, sục sùi, sũng nước, không biết nó đã di trú nơi nào, hay đã theo chân mù phương những người xa Huế? Cũng nhớ...

Ông đã qua bình trà thứ hai. Cái trà *Phổ Nhĩ Vân Nam* này, vị không đậm mà ngọt hậu. Cũng rứa thôi, cũng như Thiết quan âm, Ô long, chẳng ngon gì! Ông đã quen với trà tuyết, lại thích chè xanh cây nhà lá vườn hơn. Vị nể ông bạn lai Tàu nên mua uống thử. Trà nào mà không thanh nhiệt, lợi tiểu, sáng mắt...! Bày đặt quảng cáo, sinh ra dị ứng tất cả! Nhưng khóm mặc lan được mang về từ đó - học trò ông biếu tặng - hoa đang nảy chồi, là một giống lạ; nó không có hai đường chỉ trắng trên mép lá, trông khác với mặc lan cổ xưa Huế; có lẽ ta nên dành để dâng thầy thưởng xuân... Ông cúi đầu xuống, lòng rung rung...

Trời ửng sáng. Ông bước ra hiên. Không gian ùng đục. Sương mù lất vất, mơ hồ. Ông đưa mắt nhìn những chậu địa lan ngồi an bình, lưu niên trên dãy giả đơn đầu voi trắng: Bạch ngọc, đại ngọc, tiểu kiều, mặc lan... lá xanh ngời như có thể soi mặt được. Ông gật gù, mỉm cười. Đây là thành quả từ công phu vượt lá ngày này sang ngày khác của ông và con trai. Cái hơi người - nhân điện - và tình cảm của người trồng chính là yếu tố quan trọng nhất. Thời này, chẳng còn ai chăm chút tỉ mỉ như vậy. Người ta không có thì giờ, kể cả không có thì giờ để thờ! Tội nghiệp! Ông vui thầm trong bụng, ta tỉ mỉ chăm chút để bảo tồn vốn cổ, là cái mỹ học của cha ông đó chứ! Ai mà biết, phải không?

Ông nhớ, ông đã học được kỹ thuật trồng địa lan của một cụ Nghè. Địa lan của cụ ấy trồng nổi tiếng một thời, đến đời cậu Cấn cũng phải ghen tỵ. Nhìn những chậu địa lan ngời ngời xanh mượt, láng lầy, chồi hoa tuy gầy nhưng ẩn chứa một sinh lực khỏe khoắn, ông tò mò hỏi tưới phân chi? Cụ Nghè cười cười trong ánh mắt lấp lánh, rồi hỏi ngược lại: Chú giáo, chú tưởng địa lan phàm phu tục tử lắm hay sao mà phải ăn phân này, phân nọ? Ông mở tròn mắt. Cụ Nghè ha hả cười, nắm tay ông kéo lên hiên, vào ngôi

từ đường hương khói thời gian, sai bày bàn trà... Trong không gian cổ kính, mùi trầm, mùi văn chương thi phú, mùi của cốt cách tao nhã; mùi của nếp sống thư hương, kẻ sĩ... một lần ấy thôi - mà nó đã ngấm đẫm tâm hồn ông suốt cả nửa cuộc đời còn lại. Phân chi ư? Cái đó là bí truyền, phải giấu kín. Hằng ngày nó ăn và uống nước trong vắt, có than hoạt tính khử phèn. Tôi quý địa lan ở phong cách đó. Nó cho hương sắc, nhưng mà rất khiêm nhường. Sắc nó màu âm, màu lạnh; không phô trương, ồn ào như lan ngoại; lại càng không rực rỡ, trình diễn ngoại hình thời trang như hoa hồng. Nó rất lặng lẽ, khiêm cung, từ tốn... Hương thì sâu, kín - đúng như chữ *u hương* trong Đường thi! *Tôi không trồng hoa mà tôi trồng một bài thơ Đường*. Nói xong, cụ Nghè cười sảng khoái! Suốt đời ông giáo, có lẽ ông không bao giờ quên được nụ cười kỳ lạ của cụ Nghè. Một đời *bình-sinh-thanh-cao-cốt-cách*, nếu có được một nụ cười *phiêu-diêu-khoát-hoạt*, cùng lắm, cũng chỉ bằng nụ cười hôm ấy mà thôi! Thế còn địa lan Đà Lạt? Một hôm khác, ông hỏi. Cụ Nghè cất giọng xẵng, địa lan Đà Lạt! Không phải, cái đó là thổ lan, gọi địa lan là phỉ báng địa lan! Cái thổ lan ấy là cái giống Tây, bậm bạp, to cao, chắc khỏe, uống ăn dung tục; rồi cứ nhón gót mà nở, cứ vỗ ngực mà nở... ồn ào, hỗn láo như một cậu thanh niên *hippy* hoa hòe hoa sói? Làm sao sánh được với cốt cách văn vật cao nhã có đô!

...Những ngày nắng to, ông ra sau hè, đánh trần, xắn quần xuống ao vớt bùn non - chỉ là bùn non thôi - rồi chuyển lên phơi trên một đám đất cao ráo. Nếu thiếu, ông đặt mua các ao đầm chỗ này, chỗ kia. Đứa con trưởng - lúc ấy đang là giáo sư chủ nhiệm phân khoa dân tộc học - trong giờ rảnh rỗi, thấy vậy, ra tay phụ giúp ông. Nó hỏi, cha làm chi mà vất vả rứa, sao không thuê người làm? Ông cười ruồi, tao đang thật sự nghỉ ngơi đấy chứ! Sự nghỉ ngơi của một con ngựa già đã mỗi mệp sau những cuộc đua đường trường, một đời, lao nhọc! Đứa con dòng máu đại khoa, *gène* trí thức, nó kính trọng vị cha già có một vài phút giây tự mãn dễ thương; nó gật đầu mỉm cười, nói tiếp - thế cha sẽ dùng bùn này vào việc gì? Bí mật, ông đáp, tao trân trọng lời hứa thiêng liêng với một linh hồn cũ xưa (*cụ Nghè đã mất*); nó đẹp như cái gì dấu kín đằng sau câu chữ của Đường thi, con không hiểu đâu! Quả thật, con ông không thể hiểu được! Thời đại này chúng không thể nào hiểu được cái tầng văn hóa ẩn mật trong cục đất, cục bùn - nơi những chậu hoa địa lan; mà ở đó, chúng chan chứa cái đẹp của nhân văn, cái mỹ diệu của nghệ thuật sống; cái ân nghĩa vô lượng của cuộc đời, với thiên nhiên ngoại vật!

...Đất bùn non gom lại, phơi khô đúng một năm nắng, ông lại lụi cụi đập nhỏ, sà, rây cho mịn... Ông con trí thức lại hỏi, cha làm gì thế này, nghỉ

tay một chút, vào góp ý giúp con về cái đề cương mà con đã phát thảo về bảo tồn vốn cổ của dân tộc... Ông ngược đầu lên, lấp lánh niềm vui trong ánh mắt; ừ, tốt, con đã không phụ lòng kỳ vọng của tiên tổ. Tốt, tốt... rồi ông lại cúi xuống, đập, sần, rây... Ông nói, tao cũng đang bảo tồn vốn cổ của dân tộc đấy chứ! Tao cặm cụi làm với hồn đất, hồn văn đó thôi! Ông nhướng mắt lên, cái kiếng trệ xuống: Những công trình hiện vật cổ xưa, tìm, điều nghiên thì sẽ còn, kể cả các giá trị phi vật thể - nhưng *bí quyết trông một bài thơ Đường thì sẽ thất truyền*, xót xa lắm, con ơi! Ông con nói, cha lại nhạo con rồi! Thế cha không góp ý giúp con à? Ông cất tiếng như giảng bài, nhưng giọng trầm ấm, xúc động: Con là thanh niên thuộc thời đại mới - thời của internet - mà chân bước đi không hồng đất, mắt không đắm cái hào nhoáng, óc không lay ưê những giá trị ảo, trí không nhiễm thói kiêu căng, hãnh tiến; sở học đã không coi thường vốn cổ của cha ông mà còn có những công trình tầm cỡ để giữ gìn, bảo tồn nữa. Tốt, rất tốt! Người con có vẻ phân trần, giải thích: Công trình của con nó rất quan trọng, sẽ được đọc trong một cuộc hội nghị khoa học toàn châu Á do Unesco tổ chức. Người con nói tiếp, giọng buồn: Ở Huế này chỉ có cha mới có thể đọc, hiểu và góp ý giúp con những chỗ bất cập... còn, thừa cha, con biết tìm ai được đâu! Ông tháo mắt kiếng, lấy vạt áo màu nâu bạc chùi bụi: Con nói thế, biết bao nhiêu là giáo sư tiến sĩ thời đại mới; cha dẫu có chút học hàm, học vị nhưng già rồi, kiến thức thì quê mùa, lạc hậu rồi! Người con nói, giáo sư tiến sĩ thời đại ấy à, chỉ một số nào đó thôi, thừa cha - còn không biết bao nhiêu là tiến sĩ giấy, tiến sĩ bù nhìn như thời Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương...! Con ông cất giọng bùi ngùi, con không có bạn, thừa cha! Thầy, cũng vậy, hiếm lắm! Ông bắt đờ đứng thẳng lưng dậy, quăng dụng cụ, giận dữ - hiếm lắm à? Không thầy đó mà y làm nên. Nhất tự vi sư, bán tự vi sư. Con mà còn nuôi dưỡng ý tưởng kiêu mạn ấy thì sẽ làm ô nhiễm tâm hồn, ô nhiễm các giá trị thiêng liêng, con có biết không?

Ông con, giáo sư, hôm ấy, biết mình lỡ lời, sợ hãi, khép nép, im thin thít. Từ nhỏ, ông giáo huấn con rất nghiêm khắc; ông sử dụng rất ít kiến thức sách vở, không thích dùng lý luận biện chứng sáo mòn; mà chỉ nói chùng mực, vừa phải - cốt gợi ý về đời sống cụ thể, giữ gìn tác phong, nhân cách và tâm thái văn hóa trong giao tiếp, ứng xử, công việc... Sớm nào ông cũng cùng con nấu nước sôi, chè trà, pha trà... Cả hai tập chờ đợi, tập để tâm rộng rang, tĩnh lặng; thường thức không gian và môi trường sống với thiên nhiên xung quanh. Ông trao đổi với con, nói về bản lãnh của kẻ sĩ là phải thể hiện cho bằng được đời sống tinh thần không bị nhiễm ô, đừng bị vấy bẩn bởi khói, bụi và các loại chất độc vi tế... Nghệ thuật sống là phải biết quán niệm, lắng nghe và tự chủ ngay từ hơi thở đầu tiên trong ngày... Và cũng từ tách

trà sớm tinh sương ấy, nó sẽ duy trì sinh lực để vô hiệu hóa những tư tưởng yếu hèn, bạc nhược - mà chúng thường lý luận rất hay ho để thỏa hiệp với những cái dung tục của đời thường... Ông đã mãn nguyện khi đã định hướng cho con ông đi theo con đường bảo vệ những giá trị truyền thống... Bây giờ, con ông bảo là thầy hiếm lắm. Nó không phải sai. Nó có cái lý của nó. Hoặc do nó buồn về tình trạng tha hóa, tụt dốc phẩm chất, khuyết tật kiến thức của quá nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ... thời nay! Nhưng không nên phũ tay tuốt tuột như thế! Vong ân bội nghĩa quá! Thế hệ ông khác, một chữ cũng là thầy. Nó đâu có biết rằng... thế gian này có biết bao nhiêu là ông thầy!

...Bùn rây xong, ông nhờ *máy o máy mệ* hàng xóm xin nước luộc nghêu, ốc, hến rồi hì hục bóp, nhồi, nhồi cho thật nhuyễn, trộn thêm với than hoa cỡ hạt đậu, hạt bắp. Xong, dùng tay, ông trải đất ra trên tấm ni-lông, san bằng, chà láng, dày chừng năm phân; lại dùng bay, dùng thước cắt ngang, xén dọc từng tấm hình vuông đều đặn tương tự mặt bằng với từng ô uom thuốc lá... Con ông lại hỏi, cha làm gì nữa đó? Giờ thì không bí mật nữa, cha chuẩn bị đất trồng đó con! Đợi đất khô, xén ra từng tấm, từng tấm, đặt vào lò nung, nung thủ công; nung sao đừng già lửa quá sẽ bị khô cứng, mà cũng đừng non lửa quá, dễ mùn! Địa lan được trồng với đất trồng này, quanh năm chỉ cần tưới nước sạch, nó sẽ phát triển xanh tốt, không cần một loại phân nào khác... Công phu quá, ông con giáo sư nói, phải cần có niềm vui, tâm tĩnh lặng, không còn vướng bận chuyện đời mới làm thế được. Ừ, con nói đúng! Là cái thú điền viên của người xưa đó con! Người con nói, hóa ra địa lan thích phân ngâm, như dồn tụ phẩm chất vào bên trong, thấm đẫm trong đất; rồi nó ăn một lần thôi! Ừ, ông khen - con nói hoàn toàn chính xác, dồn tụ phẩm chất vào bên trong, hay lắm; rồi ăn một lần thôi, hay lắm; ăn nhiều quá, dung tục quá thì còn gì là "*an bản lạc đạo*" nữa! Người con hiểu, gặt đầu, lắm bầm: Ông già lúc nào cũng triết lý, không đọc nhưng cay và sâu... thì ta cũng phải nói năng cho có trọng, có lượng một tí chứ!

Mặc lan Vân Nam lá dài, dày, to... chắc hẳn chồi hoa sẽ đậm đặc, mập ú, vuron cao. Nó có cái đẹp riêng của nó. Cái đẹp của một đất nước - phải gọi là đế quốc - quá rộng lớn, đầy kiêu căng, đầy tự hào nền văn hóa dày sâu nhiều ngàn năm của mình nên cái gì cũng to, cũng lớn, cũng vĩ đại... cái gì cũng đại... Họ quý chữ đại! Ngược lại, ở ta, ở cái xứ *đầu cứng mà bụng lép* này, cái gì cũng bé, cũng nhỏ; mặc lan cổ xưa Huế bé nhỏ, xinh xắn, trông thanh nhã hơn nhiều. Lại còn thơm đậm, bền... Nói cho rôm rang chữ nghĩa một chút: Nó bàng bạc, khinh diêu và du viễn... Tuyệt! Mặc lan Vân Nam

thô tháo, phàm tục quá, ta sẽ tặng thầy khóm mặc lan sáu chồi quý nhất, cốt cách nhất đất Thần Kinh này! Cứ quyết định vậy đi...

...Này con, hôm kia, ông nói - lúc cụ Nghè mất, bao nhiêu chậu địa lan quý nhất, ông sai con cháu biểu tặng các ngôi chùa và các bậc cao tăng mà ông quý trọng... Cái thanh khiết phải tặng cho người thanh khiết... Tâm nào cảnh nấy... Chắc con hiểu chứ?

Ông con hiểu quá mà, nên nói, thế khóm mặc lan, công phu và tâm huyết của cha...? Ừ, ông giáo không trả lời mà chỉ cất giọng bùi ngùi: Cái gì quý mới cúng, mới thờ... phải không con? Ông con giáo sư lại một lần nữa không hiểu ẩn ý đằng sau câu chữ...

Lúc sương đã nhẹ hều trên cây lá, đã thoáng rạng giữa mây trời, ông đã chuẩn bị mọi thứ đâu đó xong xuôi. Hôm nay, lao chao giữa sương mù, có một vài mảng nắng ấm; ông đội mũ, chống gậy, mang giày thể thao, khóm mặc lan trong xách tay, lên đường. Ông con, giáo sư, thấy vậy hỏi, cha đi đâu, xa lắm à? Chừng mười cây số đường núi, cũng gần thôi, ông đáp, chiều tối hoặc sáng mai, ta sẽ về! Hay là con đi cùng cha cho vui, ông con nói, con cũng muốn vận động thể thao một chút! Cũng được, con sẽ có dịp thấy tận mắt một loại lan khác - lan này, đặc biệt, có cái hương sắc dịu dàng và tĩnh lặng vô cùng! Lại khó hiểu! Ông già muốn triết lý gì nữa đây! Người con nghĩ thầm.

Thế rồi, cả hai người bắt đầu rời xa xóm làng, men theo chân núi, đi mãi, nhà cửa thưa thớt dần... Ông bước từng bước dài. Ông con đã hụt hơi. Cha khỏe thật! Ông cười hề hề, ta có khí công và thiền định, con bì sao được. Tuổi trẻ của các con không biết mượn khí của trời đất, cũng không biết sử dụng năng lượng của tâm. Yếu đuối và bạc nhược là căn bệnh của thời đại... Văn minh vật chất cùng các tiện nghi của nó là giúp cho con người ngày càng làm biếng, lười suy nghĩ, khô cứng cảm xúc đi... thật là tệ hại!

Người con thấy cha chỉ nói đúng hơn một nửa, nhưng không dám nói xen vào. Đi thêm một đoạn, đến cạnh một rừng tre, ông bảo nghỉ để ông con dưỡng cặp cẳng thư sinh. Một lát, ông nói, thiên nhiên, ngoại vật, cái gì cũng có cái đức của nó. Nếu biết nhìn, lắng nghe, chiêm nghiệm... thì đâu có học một đời cũng không hết đó con! Vâng, thưa cha, con hiểu! Ừ, tốt, vậy con thử nói đi? Dạ, nhìn núi, ta học được sự an nhiên và vững chãi. Nhìn nước, ta học được sự nhu nhuyễn, mềm dẻo, hoàn cảnh nào cũng trôi chảy, linh động, thích nghi được. Ông cười vui - Đúng vậy! Người con nói tiếp, cố ý

phê bình thử - điều cha nói, lần này, cũng là tư tưởng cũ, chẳng hề mới mẻ gì! Ông giáo già không giận, nói, tưởng là thế mà không phải thế đâu con, cái biết của con là cái biết thuần túy kiến thức... Xin cha nói rõ hơn. Này nhé, ông nói, học an nhiên, vững chãi, mà con đã từng tu tập cho được an nhiên, vững chãi chưa? Người con ngó ra! Kiến thức suông, chưa đủ mà cần phải tu tập, cần phải hành trì; cái biết ấy cần phải biến thành máu huyết, thành đời sống, tri phải có hành, con biết chứ? Rất lâu, người con dè dặt nói, có lẽ cố gắng con cũng làm được, cũng hành được. Ừ, biết vậy là tốt, mà cũng không đơn giản đâu con. Bây giờ, nhìn khóm tre kia, con học được gì? Thừa cha, trúc ruột rỗng, tiết thẳng... Dẫu hoàn cảnh nào, kẻ sĩ trong đời cũng phải giữ tiết tháo cho ngay thẳng, không cúi lòn, không xu phụ, không nịnh bợ trước bất kỳ một uy lực nào... Đúng, đúng, ông gật, đây là tiết thẳng, còn ruột rỗng? Dạ, tâm không, ruột rỗng là bao dung, rộng lượng, buông xả, không chấp trước điều gì... Ông con chợt ngẫu hứng đọc vài câu cổ thi - *phong lai sơ trúc, phong khứ nhi trúc bất lưu thanh*... Ừ, con đọc sách nhiều, dẫn chứng đâu đó thông thạo cả... lại còn căn bản Hán Nôm, thi phú nữa; nhưng mà này con, ông nói: Nhà sư có trồng một bụi trúc, sáng nào ông cũng uống trà nơi cái chòi lá cạnh bụi trúc ấy... Thế mà, có một lần, ông nói với ta; hơn ba mươi năm, học cái đức của trúc, đến gần cuối đời, nhìn trúc ông mới không hổ thẹn... Hơn ba mươi năm, con nhớ đây! Người con thấy mình lấm tấm đổ mồ hôi hột, sợ hãi... cái “*hành*” này thì quả thật, chàng phải tu tập cả đời!

Núi tiếp núi, chập chùng. Bò bình yên gặm cỏ. Người lác đác gánh củi. Họ lội qua những khe nước đầy, đá rêu trơn... Chốn này ít người qua lại, người con nói: Cha đi thăm thầy, ông thầy nào mà ở xa hút trong rừng sâu thế cha? Ừ, dẫu chẳng thâm sơn cùng cốc gì lắm, nhưng cũng tàm tạm lìa xa bớt cái hợm hĩnh, phù phiếm của chốn quan trường; ản trốn được cái ranh ma, xảo quyệt quá quắt của con người văn minh đô thị! Ông con nói, ngôn ngữ của cha hôm nay *léo lắt* như có lửa cháy! Ừ, trời lạnh, có lửa cháy mới ấm chứ con! Biết mình nguy hiểm, ông cười hì hì rồi tìm chỗ ngồi nghỉ chân cạnh cụm đá tảng nơi triền núi. Cả hai lấy nước ra uống. Cha chưa hề nói chuyện với con về vị thầy này? Thầy ra sao? Là một nhà sư chăng? Ừ, ông gật gật, một lão sư, cũng bình thường thôi, nhưng được cái là ông gân guốc, quắc thước, xương kính như tùng, như trúc... Nhân duyên thầy trò như thế nào rứa cha? Cũng chẳng là nhân duyên chi ghê gớm lắm! Hồi xưa, nhà sư và cha là bạn đồng nghiệp... Sau ba mươi năm, gặp lại, qua câu chuyện, ta học được nơi nhà sư rất nhiều điều, ở ngoài sách vở, hoặc từ sách vở mà ông đã tiêu hóa kỹ, rất kỹ!

Họ lại lên đường. Người con nói, cha kể cho con nghe với chứ. Ừ, hôm đó, ta hỏi, đang dạy học ngon lành rứa, buồn chuyện chi mà ông đi tu? Nhà sư cất giọng nhẹ nhàng, nhẹ tợ làn gió xao qua cành liễu: Hóa ra, trong óc ông chỉ có chuyện vui, chuyện buồn thôi sao? Cha ngó ra, lát sau, hỏi tiếp, ông đi tìm cứu cánh tối hậu là giải thoát, niết-bàn, có phải? Niết-bàn, giải thoát ấy ở mô trên mây xanh, nói thử nghe coi? Nhà sư lại cười, ông bạn nói giải thoát, nhưng phải xác định giải thoát là giải thoát cái chi chi mới được chứ? Cha lại bí, bực quá, không hỏi nữa... Mấy năm sau, cái thời mà xã hội bức xúc nhất, quá nhiều chuyện buồn, ta lại bị gậy lợi bộ lên núi. Nhà sư đãi ta cơm độn khoai và canh rau muống, ôi, ngon quá là ngon. Chúng ta uống nước lá rừng giữa trăng, sao, giữa thiên nhiên bình yên, mát mẻ. Một giấc ngủ ngon, bao nhiêu bực bội dường như tiêu tan cả, nhưng ta cũng nói, cũng hỏi. Đại khái là các giá trị đức lý, những cái phi lý khoác mặt nạ hữu lý, sự quấy lộn giữa các ý thức hệ... vân vân... quần quai quá, quần quá, phiền não quá... vân vân... Ông đi tu là giỏi đấy! Nhà sư ngồi yên lặng, chăm chú, rất chăm chú lắng nghe, thái độ đầy hiểu biết và đầy cảm thông... Sau đó, ông hướng dẫn ta cách ngồi, cách thở... Thế nào là thở của khí công, thế nào là thở của thiên định, thế nào là thở của thiên quán... Nó khác nhau nhiều lắm đó con! Thế phiền não của cha, nhà sư trả lời ra sao? Người con tò mò hỏi, ông nói; thở đó, ta rất bực vì dường như nhà sư giả đò, giả lơ đi, không đáp.

Xế trưa, hừng nắng, ai cũng toát mồ hôi. Con đường mòn bây giờ lại vắt qua một sườn núi, sâu hun hút... Câu chuyện được tiếp tục, ta muốn nhà sư giúp ta một lời khuyên. Nhà sư nói, chẳng ai khuyên ai được điều gì cả. Sao thế, ta nói, ít ra là cũng giúp giải quyết được một vài bế tắc chứ? Không có, nhà sư nói, giải quyết vấn đề chính là cô tạo thêm vấn đề cho phức tạp hơn! Không đồng ý, ta nói, vậy là cứ để yên như thế sao? Nhà sư lại cười, ông xem: Bên trong, bên ngoài, có cái gì đứng yên được đâu! *Thệ giả như tu phũ...* mà! Con ơi! Thế là ta lại thua nhà sư một keo nữa!

Câu chuyện giữa hai người khá là thú vị, tuy ông giáo sư trẻ không ngạc nhiên gì lắm; triết lý, thiên học nào cũng nói về điều ấy; nhưng dường như nhà sư này thò tay chỉ đúng huyết đạo của ông già mà thôi!

Bây giờ là con đường sâm si lau lách, đá cỏ chen chúc nhau dẫn vào một thung lũng, cây cối tươi xanh như một bài thơ mùa xuân. Tiếng suối chảy róc rách từ khe rãnh hang hốc nào đó dưới thấp; chim và mây và gió chao lượn đâu đó ở trên cao. Hương thông thơm ngát. Không khí như không dính một mảy trần. Con biết không, ông cúi đầu bước đi, tiếp tục; có cái gì



đó bình thường, rất bình thường nhưng không phải thế tục, tỏa ra nơi *con người-nhà-sư* mà ta không nắm bắt được. Có lần, ta hỏi, đức Phật giúp chúng sanh giải thoát phiền não, tôi cậy ông, thế mà ông lại quá hồ hững, tôi chê ông “*bất cận nhân tình*” đấy! Bất chợt, nhà sư cười lớn tiếng, ông vu oan cho đức Phật rồi; ngài không cứu khổ, cứu nạn, không gỡ phiền não cho ai cả, đích thị ông đã bị kinh sách đầu độc! *Hãy đốt chữ mà tìm xá-lợi đi!* Con à, cha lại lúng túng. Nhà sư nói tiếp, hôm qua, trong giấc ngủ ngon, ông đã tự xả bỏ phiền não rồi; sáng nay, tự ông, ông đã đeo mang nó lại, liên hệ gì đến đức Phật của tôi? *Bây giờ thì nuốt lưỡi đi!* Người con nghĩ, cái này cũng không mới, là tuệ tri như thực - là tặng phẩm của thiền quán *vipassana* đó thôi! Nhưng mà cách nói của nhà sư thì rất đúng bệnh, đúng thuốc!

Con đường được nói rộng, không gian như được mở ra... Sắp tới rồi đó con, nhưng để ta kể tiếp; chiêm nghiệm, ta thấy nhà sư nói đúng, ông không dạy gì cho ta cả, nhưng ông đã xoáy, đã xoáy sâu vào óc não và kiến thức hàn lâm, một thời đã đóng cục đóng hờn ở nơi ta! Thế rồi, nó bung vỡ lần lần. Ta thấy ánh sáng lần lần... Lần gặp sau nữa, nhà sư nói: Ông bạn già, hôm nay, có bao nhiêu phiền não, khổ đau trên cuộc đời, ông bạn mang hết ra đây, chúng ta cùng nhau xem mặt mũi nó ra sao, nó như thế nào - mà làm cho thế gian bạn lòng đến thế! Con biết không, ta tìm, ta tìm mãi mà chẳng thấy cái phiền não, khổ đau nào cả! Có lẽ nhà sư biết, biết rất rõ, nên ông cười, này, không có gì hết phải không? Đúng vậy, vì tất cả chúng đều là “*không tính*”! Sung sướng quá, con ơi, ta đại ngộ tức thì. Từ đây, ta coi nhà sư như là bậc thầy vĩ đại nhất của ta! Con thấy đó, bao nhiêu năm nay, ta không còn một mảy may phiền não; nói như kiểu của Nam Tuyền lão sư là ta đã tìm được cái bình thường, *bình thường tâm thị đạo*. Người con im lặng rất lâu. Cái kia cũng chẳng mới mẻ gì, nhà sư lặp lại câu chuyện giữa Đạt Ma và Huệ Khả, nhưng hay và thiết thực ở chỗ là đúng lúc, đúng thời! Người đạt ngộ, sống thiền, họ có thể nói lặp lại nhưng không sống lặp lại. Nhà sư vô danh này cũng là tay khả thủ đây! Ông giáo sư trẻ thàm nghĩ mà không dám nói với cha, nhưng một vài vấn đề tâm linh ở nơi chàng tự dung phoi phới sáng tỏ...

Một am tranh xơ xác, tiêu điều; một bụi trúc lơ phơ, lá vàng rơi đầy... Người con mon men bước tới... vắng tanh, vắng ngắt... Nhìn chiếc cổng tre hai cánh mở bám đầy rêu xanh, an nhiên giữa tuyết sương, năm tháng - bất chợt, người con nhớ đến một câu thơ của ai đó: *Cửa sài hai cánh mở, mây trắng bước vào ra, phù sinh chừ rồi việc, rong chơi suốt bốn mùa...* Một cảm

xúc vô danh tuôn trào! Ông giáo sư lặng lẽ đến ngồi xuống nơi bàn đá lạnh lẽo... Một tâm hồn cổ xưa nào đó dường như còn lảng vảng xung quanh đây!

Có lẽ nhà sư đã đi du hóa phương xa, con à, bây giờ con hãy phụ ta một tay, trông khóm mặc lan rồi chung nơi bàn đá này để cho nhà sư đón Tết... Mặc lan Huế u hương, thanh nhã, khinh diêu, du viễn; có nhà sư hay không có nhà sư thì hoa vẫn thanh thản đón xuân...

Lát sau, người cha đứng vòng tay, trầm tư bên chậu mặc lan đã trông xong. Người con đi quanh... cả một đôi lau trắng, quạnh hiu... Rồi ông bước vào am, thò tay kéo cái “*bùng*”, lấy thanh tre chống lên. Răn rắc... bụi một bay mịt mù. Ông con nhắm mắt lại một lát. Trống không, nơi này không có người ở đã lâu. Duy nhất, chính giữa nền đất, áp sát phen nứa là một tấm tọa cụ bằng nệm rom đã meo mốc. Một bát nhang hờ hững, xiêu đổ mấy cọng hương...

Người cha bước vào, ba cây hương trên tay... rồi ông quỳ rất lâu, mắt hoe hoe đỏ... Ông con chấp tay đứng lặng, kính ngưỡng một tâm hồn thiên cổ... Ra sân, người con cũng đứng lặng rất lâu, nhìn ngắm bụi trúc duy nhất: Bụi trúc: Tâm không, tiết trực, một đời học làm người! Khóm mặc lan: U hương sâu kín, một đời học làm người! Và ông đã hiểu thêm, ở nơi này, một loài lan rừng: Ăn mốc, uống sương, cũng một đời học làm người! Tất cả đều có thật.

Thôi, về con, ra giêng, Tết có nắng ấm, chúng ta lại lên thăm nhà sư, lúc ấy, chắc khóm mặc lan đã tàn hoa, nhưng hương thơm khinh diêu, du viễn vẫn còn... vẫn còn mãi giữa bông bèo khói sương cuộc lũ.

---o0o---

## 2. ĐÔI BẠN

Viên toàn quyền người nước Anh cho thủy thủ neo thuyền nơi một bãi vắng; y leo lên một ngọn đồi nhỏ, đưa ống *dòm* xem khắp một vùng: Nơi này dân cư thật thưa thớt, vài xóm nhà nằm cheo leo bên sườn đồi, lan xuống thung lũng, chạy ra bãi cát. Và cây cối. Và biển xanh. Dãy núi hình rắn lượn trên phía Bắc hòn đảo tạo thành một vùng thung lũng, nổi lên bên sau là mấy chóp núi đá trắng nhọn mênh mang sương khói... Hồi lâu, viên toàn quyền bước xuống đồi, nói với viên thông ngôn:

- Chẳng có một ngôi chùa nào? Thế sao nơi thư ghi rõ là đảo Hoàng Yên? Đây có phải là đảo Hoàng Yên?

- Đây đúng là đảo Hoàng Yên, thưa ông!

Viên toàn quyền gật đầu.

Đây là mùa xuân, tiết thượng nguyên năm 1868, viên toàn quyền người nước Anh đi tìm bạn. Một người bạn rất thân thuở còn đại học. Dẫu rất thân, nhưng hai người có hai chí hướng khác nhau. Lớn lên, y lao thân vào con đường chính trị, quân sự. Đối với y, chính trị, quân sự là một. Nhà chính trị tài ba cũng đồng thời là nhà quân sự tài ba. César và Napoléon là hai hình ảnh mà y tôn làm thần tượng. Còn bạn y, một nhà ngôn ngữ học thì suốt đời say mê nghiên cứu các loại cổ ngữ Châu Á và phát hiện nền văn minh cổ xưa của các xứ sở này. Sau đó, vì tò mò, ngạc nhiên mà đưa đến đam mê; y dường như dành hết tuổi thanh xuân để tìm cho ra sợi chỉ đỏ xuyên suốt của nền văn hóa, văn minh nhân loại. Trước đây, đã có cuộc tranh luận giữa hai người - những cuộc tranh luận sôi nổi nhưng không ai chịu nhường ai. Viên toàn quyền còn nhớ câu kết luận của bạn y cách đây chừng mười năm về trước:

- Thôi! Bạn đi đường bạn, tôi đi đường tôi. Bạn đi tóm thâu, tôi đi mở rộng. Bạn đi viễn chinh, thâu phục đất đai và biểu tỏ quyền lực; còn tôi - phụng sự văn minh, văn hóa; nối lại tình người, tạo sự hiểu biết chung; chống quyền lực, chống mọi ý đồ và mọi tham vọng xuẩn ngốc của con người.

Vào những năm sau khi Pháp đổ bộ Đông Dương, bạn y được cử làm trưởng phái đoàn đi nghiên cứu thêm các nền văn hóa giáp ranh Ấn Độ. Trên đường về, tàu gặp nạn, chỉ còn hai người sống sót nhờ ôm được bè gỗ lênh đênh trên biển cả; sau được một chiếc tàu của hoàng gia Anh cứu vớt. Về xứ, y đâm đơn từ chức, viện cớ tuổi già sức yếu; sau đó đem vợ con về quê, lập một ngôi vườn sống đời ẩn dật. Thịnh thoảng y nhận được giấy mời của một vài trường đại học, nên có đi thuyết giảng đó đây. Y thuyết về nền văn hóa Ấn Độ với một cái nhìn vô cùng sâu thẳm và mới lạ, đảo lộn những cái nhìn thành kiến của mọi người về một xứ sở man di, lạc hậu. Vắng đi mấy năm không thấy mặt, y trở lại London trong hình tướng một tu sĩ áo vàng, đạo mạo, trang nghiêm, hiền hòa và trầm lặng; y đã lôi cuốn rất nhiều người trong giới trí thức. Hội Phật giáo nơi này được hình thành, chia làm hai ban: Nghiên cứu và thuyết giảng. Ban nghiên cứu phiên dịch các kinh sách cổ

suu tầm được từ các xứ thuộc địa; ban thuyết giảng đi vào các đại học đường cùng các tổ chức văn hóa để nói chuyện về các giá trị tâm linh đã bị loài người bỏ quên! Viên toàn quyền theo dõi đời sống của bạn, và chợt nghĩ rằng, hai con đường, ai cũng thành công cả! Những kinh sách xuất bản, phát hành được trong hội này, bao giờ y cũng có một cuốn trang trọng để tặng. Y đều có đọc qua, nhưng tự trong thâm tâm, thấy đây là những vấn đề không thực tế, không đem lại áo cơm và hạnh phúc vật chất, không thỏa mãn được khát vọng của con người! Mà có thể là ngược lại, nó là con đường đưa đến chấm dứt khát vọng, sống đời buồn phiền, tiêu cực của một kẻ chán nản trần gian, đã hết nhựa sống! Và đấy cũng là dấu hiệu suy thoái, đưa đến chỗ đói rách, nghèo nàn và lạc hậu! Kính trọng việc làm của bạn, nhưng rốt cùng, y vẫn bất đồng lý tưởng, không thể chấp nhận được những quan điểm lạ đời ấy.

Sau hai năm hoạt động, hội vững mạnh, y trao hội cho một vị giáo sư, từ già đất Anh lên đường một lần nữa. Lần này y đi biệt, có người cho biết là y đến ẩn tu đâu đó tại các hòn đảo phương Nam Ấn Độ.

Một lần nọ, vài bộ lạc miền núi nổi loạn, nhà cầm quyền thuộc địa đem quân đánh dẹp; viên toàn quyền đáp trực thăng xuống tận nơi, sau khi bắt được vài tên chủ não, y ra lệnh càn quét và bắn giết tất cả thổ dân. Mũi súng lệnh từ tay viên toàn quyền vừa đưa lên cao thì nơi gò đất phía đầu làng xuất hiện một tu sĩ, áo màu sẫm vàng nổi bật giữa nền cây xanh; cánh tay người tu sĩ đưa lên cao:

- *Fanny! Fanny!* Bạn hãy bắn giết tôi trước khi đụng đến đám dân vô tội này, *Fanny! Fanny!*

Viên toàn quyền chùn tay lại, buông thông xuống. *Fanny* là tên thánh của chàng. Vị tu sĩ kia chẳng ai xa lạ mà chính là bạn y, người bạn thân lưu lạc xứ này mà đã biết bao năm y hoài công tìm kiếm.

Quá đỗi vui mừng, viên toàn quyền định chạy về phía bạn, nhưng chợt y sững lại; đám thổ dân nổi loạn kia có thể phục kích và giết chàng ở đó.

- *Fanny! Fanny!* Nếu còn nhớ đến tình bạn của chúng ta thì bạn hãy ra lệnh cho quân triệt thoái. Để bạn khỏi mang tiếng phản bội với tổ quốc, tôi xin hứa cam đoan với bạn là thổ dân sẽ không nổi loạn nữa. Nhưng với điều kiện...

- *William!* Hãy nói đi!

- *Fanny!* Bạn ở trên cao bạn không biết gì hết, không thấy gì hết! Tôi không tin là bạn lại có một chính sách bóc lột dân đen một cách tàn tạt lương tâm đến thế! Có lẽ đám quan thuộc hạ đã che mờ mắt bạn mất rồi!

*Fanny* nhú mày:

- Hãy nói rõ đi, *William!*

- Thực phẩm của thổ dân ở đây còn tệ hơn đám gia súc của chúng ta. Tôi không dám đòi hỏi cái gì quá đáng cho thổ dân cả - mà chỉ xin bạn ra lệnh cho giảm thuế. Cho người dân ở nơi này được hưởng năm phần mười lợi tức trên đất đai canh tác; năm phần mười lợi tức lâm sản; tám phần mười lợi tức tiểu công nghiệp, và bỏ hẳn thuế đinh...

Viên toàn quyền cau mặt lại:

- *William!* Thế từ lâu họ ra sao?

- Thuế điền canh, chính quyền bảo hộ của bạn đã “*bóc lột*” hết tám phần mười, lâm sản cũng “*róc*” hết tám phần mười như thế; tiểu công nghiệp thì nhân hậu một chút, là năm phần mười; riêng thuế đinh thì chỉ mới mười, mười hai tuổi - đang còn ở trường và đóng khổ - đã phải đóng tiền cho các quan văn minh của các bạn ăn chơi xa xỉ!

Viên toàn quyền im lặng giây lâu, nghe tim mình nhói đau, bàng hoàng suy nghĩ: Nếu đây là sự thật thì đau xót biết bao nhiêu? Chúng ta đi khai hóa hay đi bóc lột, róc xương róc tủy người ta? Thuế má mà nặng nề và phi lý như thế thì thổ dân làm sao sống được? Họ nổi loạn không phải là không có lý do; ngược lại, còn chính đáng nữa! Y không ngờ các quan thuộc địa đã tăng thuế lên một cách kinh khủng như vậy. Trong buổi họp về kinh tế được tổ chức tại dinh toàn quyền, chính y đã phúc trình về bản quốc đầy đủ các loại thuế. Chàng nhớ không lầm thì dân vùng này đóng thuế điền canh chỉ có hai phần mười lợi tức, lâm sản bốn phần mười lợi tức, tiểu công nghiệp một phần mười lợi tức; và từ mười tám tuổi trở lên bốn mươi lăm tuổi mới đóng thuế đinh - chỉ có tính cách tượng trưng để dễ quản lý! Vậy thì sự đòi hỏi của bạn y quá hợp lý, vì thật ra thuế ấn định của nhà nước bảo hộ còn nhẹ hơn thế nhiều.

Viên toàn quyền mở lời phân trần với bạn một hồi, y hứa sẽ điều tra tức khắc, trả lại cho thổ dân số quyền lợi mà đáng ra họ được hưởng. Chia tay bạn, viên toàn quyền tức tốc ghé các huyện và tỉnh đường điều tra sự vụ. Y

cách chức các quan sở tại, đồng thời ấn định lại số thuế cả toàn vùng; cử phái đoàn thanh tra đi các nơi để giám sát một cách nghiêm ngặt. Thế là thổ dân những vùng này không nổi loạn nữa.

Bạn y lại mất tích.

Một buổi sáng, y nhận được một báo cáo mật, là công an biên phòng vừa bắt được mười tên chính trị phạm, vượt biên giới với đầy đủ tài liệu phản động đang tạm giam và chờ ra tòa đại hình. Tin này làm cho y phấn khởi. Vì đây là lần đầu tiên đối thủ của y đã xuất đầu lộ diện. Hơn ai hết, y hiểu rõ rằng, nhóm chính trị chống đối đang tàng ẩn ở đâu đó, đang mưu toan những thế cờ để lật đổ nền móng cai trị của y. Đối thủ càng cao tay thì sự đương đầu càng thú vị. Bước vào trại giam, y ngạc nhiên xiết bao khi gặp lại *William*. Cuộc nói chuyện giữa hai người mất khá nhiều thì giờ. *William* không liên hệ đến chính trị, y cùng hai người đồng hành đều là tu sĩ đang vượt núi ra nước ngoài với một số kinh sách; chẳng may đi chung với nhóm bảy người kia, và họ đều là thành phần trí thức ái quốc. Tu sĩ *William* qua vài lần mạn đàm trao đổi đã thông cảm hoàn cảnh của họ, ngấm ngấm tình nguyện đồng phạm để có cơ hội gặp *Fanny* may ra cứu gỡ họ được một phần nào. Bạn y lại một lần nữa thành công. *Fanny* đã nhượng bộ khi thấy rõ hoàn cảnh chủ quan của mình cũng như hoàn cảnh chủ quan của các chính trị phạm. Đặt vào hoàn cảnh y, hoàn cảnh một công dân yêu nước, bị lệ thuộc, cũng làm thế chứ không khác hơn. Sau đó, y không chọn lựa biện pháp quá khích, mà đề nghị một chương trình hợp tác giữa hai dân tộc. Lời của *William* cứ còn văng vẳng bên tai chàng:

- Tổ quốc bạn là nước Anh, tổ quốc của những bậc thức giả này là Ấn Độ, tổ quốc của tôi là con người! *Fanny*! Bạn là người trí thức, hiểu biết, chắc bạn cũng cảm thông được việc làm của mỗi chúng ta!

Bẵng đi một thời gian lâu, không gặp lại *William*, tình cờ một hôm nhận được thư của *William*, không ghi địa chỉ, bảo bây giờ y đã định cư trên một hòn đảo phương Nam, có tên là đảo Hoàng Yến. Phần nhớ bạn, phần đã hoài nghi con đường chân chính mà mình đang đi, phần là y đã tích cực nhúng tay can thiệp chặn đứng những tham quan ô lại, những cuộc áp bức bất công mà người cai trị đã đổ lên đầu dân thuộc địa - đã đến tai giới chức lãnh đạo ở London. *Fanny* rời Tân-đê-ly, xuôi Nam, cho du thuyền đi tìm kiếm khắp vùng. Y nóng lòng tìm bạn để nói chuyện, để tâm sự cho khuây khỏa. Y biết cuộc đi này nó quyết định một phần nào đời sống tinh thần của mình.

Dân địa phương chỉ cho y đến một thung lũng nằm khuất sau một ngọn đồi. Ngôi chùa nhỏ nằm giữa rừng cây xanh, suối, chim và ngan ngát mùi hoa đồng cỏ nội. Nơi đây thật u tịch, tâm hồn *Fanny* lắng lại. Y dừng lại bên chân cầu, dưới tàn cây một lúc lâu, nỗi niềm tâm tưởng xô nhau chảy về không ngớt. Chợt có một người sau khóm cây bước ra:

- *Fanny!*

- *William!*

Đôi bạn siết tay nhau rồi ôm nhau mừng rỡ.

Vào chùa, *Fanny* nhìn cách sống đạm bạc và giản dị của bạn, y nghe lòng quặn thắt, xót xa. *William* giờ nom có vẻ già lắm nhưng vùng trán hầu như cao hơn, đôi mắt hầu như sáng hơn; tất cả nơi *William* đều biểu hiện một đời sống tinh thần an bình và vững mạnh. Họ dùng cơm trưa với nhau. Thức ăn không có gì ngoài số rau đậu và cây trái trông được. Món ăn chính là khoai tây và bột mì.

*Fanny* vừa có vẻ *trịnh trọng* vừa có vẻ *châm biếm* nói:

- Cứu cánh của một lý tưởng là một góc núi, rau trái, khoai mì và một mái nhà tranh!

*William* im lặng, *Fanny* cười cười tiếp:

- Nhưng là một góc núi không tham vọng, không chiến tranh, không hận thù; và rau trái, khoai mì là do bàn tay và mồ hôi đánh đổi một cách chính đáng, lương thiện...

*Fanny* cười xòa và *William* cũng cười theo.

Khi hai người dùng chè xanh, *Fanny* nắm chặt tay bạn, đôi mắt nhìn lên, sáng quắc:

- *William!* Tôi suy nghĩ lâu lắm rồi trước khi đi tìm bạn: *Bạn có lý!*

*William* xúc động:

- *Fanny!* Bạn nói thật đấy chứ?

*Fanny* lặng lẽ gật đầu.

Buổi chiều, hai người dẫn nhau đi tản bộ loanh quanh rồi sau đó ra chơi trên bãi cát. *Fanny* hỏi bạn cho rõ ràng hơn về đời sống, phương tiện và cứu cánh của một người tu Phật. *William* vỗ vai bạn một cách thân thiết, không nói, cười dịu dàng - đưa mắt nhìn mặt biển mênh mông, xanh, phẳng lặng; những cánh hải âu trắng, điệp màu trời mát hút ở phương xa; sóng vỗ rì rào, gió hiu hiu thổi.

- *Fanny!* *William* chợt nói, đôi mắt vẫn không rời mặt biển - Những vị sa-môn, thầy của tôi, bạn của tôi, có dạy cho tôi một điều thật lạ lùng: *Không có mục đích, không có lý tưởng, không có cứu cánh, Fanny!*

*Fanny* quay lại:

- *No purpose? No ideal? No end?*

*William* lắc đầu rất mạnh:

- *Không phải không có - theo hai mặt đối lập nhị nguyên, lý tính, logic - như trong khái niệm ngôn ngữ của chúng ta, Fanny!*

*Fanny* không hiểu. *William* tiếp:

- Bạn không thể hiểu được. Rồi từ từ tôi sẽ nói cho bạn nghe về tinh yếu giáo pháp của đức Phật Cù-đàm.

Khi mặt trăng lên đã cao câu chuyện mới chấm dứt. *Fanny* bồi hồi trong dạ. Có cái gì đó chợt như bùng sáng trong sự nhận thức của y. *William* nằm dài trên bãi cát, nói câu kết luận:

- Nếu có một mục đích, một cứu cánh ở phía trước mặt, thì đây rõ ràng là vọng tư, vọng tưởng, bất an, xung đột và khát dục. Nó là nguyên nhân của những cuộc chiến tranh quân sự, chính trị; xung đột quyền lực, xung đột các ý thức hệ, xung đột tôn giáo... Chúng ta hãy suy tư về điều ấy!

Biển đêm, trăng sáng và gió lạnh.

*Fanny* rùng mình.

- Không cần phải suy tư. Có lẽ tôi đã hiểu...

- *Fanny!*



*Fanny* lại quay lại.

*William* im lặng nhìn sao trời một lúc.

- Có bao giờ tâm bạn trong sáng, vô nhiễm và mênh mông như bầu trời? Một bầu trời mùa hạ, cao, xanh và vô tận?

- Bạn muốn nói sự an bình ư?

- Không! Tôi không nói an lạc, an bình, hạnh phúc. Đây là những mỹ từ dễ bị đánh tráo và hiểu lầm; tôi chỉ muốn nói: *Cao, xanh thẳm, mênh mông, trong sáng, bao la, vô tận!*

- Có! *William!* Có! Một vài phút giây nào đó trong đời lúc tôi bỏ quên chuyện quốc gia, thế sự, danh vọng và quyền lực để lên sân thượng một mình. Nhưng mà hiếm lắm, ít lắm, *William* ạ!

Tu sĩ *William* gật đầu:

- Phải rồi! Ở giữa đời, rất hiếm. Nhưng không phải là không có.

- *William!* Nhưng bạn muốn nói gì với tôi?

Giọng *William* như hơi gió thoảng:

- Ở nơi đó! Ở nơi cái mênh mông, cao xanh và vô nhiễm ấy, không có khát dục, cạnh tranh, mưu đồ, hận thù và đau khổ!

*Fanny* rất chăm chú lắng nghe. *William* tiếp:

- *Fanny!* Đây chính là phương tiện lẫn cứu cánh của chúng tôi, nói chung, của những tu sĩ phương Đông. Cứu cánh và phương tiện là một. Không có phương tiện hy sinh cho cứu cánh. Không có cứu cánh biện minh cho phương tiện. *Phương tiện và cứu cánh đều trong sáng, cao xanh và vô nhiễm!* Bạn vẫn còn nghe tôi nói đây chứ, *Fanny!*

- Tôi nghe rõ lắm.

*William* trầm giọng:

- Điểm thứ hai, những tu sĩ phương Đông chúng tôi, là những con người ở yên, ở ngoan trong lòng nhiên giới; chứ không phải xâm lăng, chinh

phục hay tước đoạt nhiên giới. Nhiên giới là mẹ. Chúng tôi là con, con ở trong lòng mẹ cùng với đất trời, trăng sao, núi non, sông suối, biển xanh và thảo nguyên thanh bình. Chúng tôi tìm về mẹ, nghĩa là tìm về cái cao, xanh, hòa bình và vô nhiễm ấy, *Fanny* ạ!

Trời đã khuya. Cả hai đứng dậy.

- Vậy thì thuyết cứu độ, *William*! Chẳng phải bạn đã giương cao tinh thần cứu độ của đạo Phật nên bạn đã đứng về phía thổ dân để đấu tranh, để yêu sách chính quyền bảo hộ phải nhượng bộ?

- Có, *Fanny*! Đạo Phật có dạy cho chúng tôi con đường cứu độ, tâm từ bi - rộng hơn nghĩa bác ái - và từ thiện xã hội. Nhưng anh có đồng ý với tôi rằng, việc đó không chỉ có tu sĩ học Phật như chúng tôi mới làm được?

- Phải. Một tu sĩ Hindu, một tu sĩ Thiên chúa giáo, một tu sĩ Hồi giáo, một chiến sĩ ái quốc... cũng có thể có những lý thuyết rất hay về điều ấy; và họ đã làm rất tốt!

- Đúng vậy!

- Còn nữa, *Fanny*! *William* nói tiếp - Có bao giờ bạn nghĩ rằng, người cứu độ kiểu này thì có người cứu độ kiểu khác; và ai trong họ cũng đúng theo quan niệm của mình, chẳng ai là sai cả!

- Quả vậy! *Fanny* gật đầu.

- Và bi kịch chính là ở chỗ ấy, *Fanny* - khi các lý thuyết cứu độ ấy xung đột nhau!

- Tại sao? *Fanny* nhăn mày hỏi.

- Vì thường thì các thuyết cứu độ ấy không trung chính, không trong sáng - chúng thường ẩn bên sau nhiều bóng tối lắm!

- Bạn muốn nói đến những quyền lực và những tham vọng?

Họ vừa đi vừa nói chuyện trên đường về. *Fanny* còn thắc mắc ở trong lòng nhưng *William* thì không chịu nói rõ ràng hơn.

Lùm cây xanh và mái chùa tranh đã hiện ra. Ngọn đèn dầu trong chánh điện soi lù mù hắt qua song cửa một khoảng sáng nhỏ. Họ ngồi nơi chõng tre ngoài hiên.

- *Fanny!* *William* chợt sôi nổi và tha thiết nói - Không những là thuyết cứu độ, không những là những việc làm có công ích cho loài người như áo cơm, các văn minh khoa học, kỹ nghệ, vật chất; những triết lý, tư tưởng và những tôn giáo có mặt trên cuộc đời - mà cho chính sự tìm kiếm của bạn, của tôi về một giá trị trường cửu, một nơi an trú hòa bình; hoặc cái mà tôi gọi là cao, xanh, vô nhiễm... Tất cả cái đó - này *Fanny!* Tôi gọi chúng là những điều kiện tương tác, những duyên khởi và những duyên khởi! Ô! Tôi dùng cách diễn đạt này có lẽ chính xác hơn: Rằng là, tất cả chúng - nhân và duyên chúng có mặt, hiện tồn và phát triển - đều do một nội tâm chưa được yên lặng, do trí tuệ chưa được thấu suốt, hoặc do dục vọng thế nào đó... Bạn có đồng ý vậy không?

*Fanny* suy nghĩ lâu lắm.

- Phải rồi *William!* Không sai đâu. Chắc hẳn là như vậy rồi!

*William* thì thầm:

- Cảm ơn, cảm ơn *Fanny!*

Lại yên lặng.

- Tu sĩ đạo Phật chúng tôi còn học được rằng: Cuộc đời này cứ để nguyên đầu vào đây, đừng *tham muốn thêm* mà cũng đừng *bất bình muốn bớt*. Cuộc đời này - các xứ sở có nền văn hoá khác nhau, cách sống khác nhau, quan niệm vui khổ khác nhau - cứ để nguyên, để yên như vậy; *mọi sự là để mà giác ngộ, giác ngộ để mà thoát khổ, để mà hiểu biết và yêu thương lẫn nhau*, chứ không phải để bắt tay, thay đổi hay cải tạo theo bất kỳ một chủ trương, một chủ thuyết nào!

- Thế còn triết lý hành động?

- Không có, *không có triết lý hành động trong Phật giáo*. Vì triết lý và hành động đều là con đẻ của lý trí suy luận ảo tưởng và cầu toàn. Không những nó chia manh xẻ mún thực tại mà còn đem lại sự xung đột, đấu tranh; là phải là, là không phải là: *Cái nhị nguyên* bi thảm và ngốc nghếch ấy!

Fanny nhăn mặt lại:

- Vậy thì nhận thức và hành động là Một?

- *Tạm gọi là Một, nhưng không có cái Một đó, Fanny!* Nhận thức chính là hành động rồi. Tri chính là hành rồi! Nói cách khác, chỉ có *Một cái tâm hành động toàn mãn* - đó là cái tâm đã vắng lặng, sáng suốt và an bình!

Hôm sau, khi bắt tay từ giã, *Fanny* nói:

- Bây giờ tôi mới thấy rõ việc làm của tôi bấy lâu, việc làm của bạn bấy lâu...

- Nó ra sao?

*Fanny* cười, không nói. Hồi lâu, y thốt:

- Là cái triết lý *Màyà* của Ấn Độ giáo mà bạn đã giải thích theo quan điểm Phật giáo ở trong một quyển sách...

*William* hỏi gặng:

- Vậy thì tôi đã giải thích nó ra sao?

*Fanny* sựng người lại, suy nghĩ rất nhiều, sau rốt y đưa tay vỗ vỗ lên trán:

- Thôi hẹn bạn mấy năm sau nữa nhé!

Ba năm sau, khi *Fanny* hiểu, y viết một quyển sách, tựa đề là "*William và con đường cứu độ*". Sách vừa in xong, *Fanny* vượt biển tìm *William*, nhưng vị tu sĩ kia đã không còn ở đây nữa.

Đó là mùa hạ năm Tân Mùi, 1871...

---o0o---

### 3. DIÊN CHỮ

Người đàn ông ốm xanh, tóc rối bù ngồi trong chiếc giường tối, hai mắt sâu hoắm nhìn bất động một vật gì phía trước. Căn phòng hẹp, trần thấp bằng *carton* vàng bám đầy bụi; sách vở, bút mực để bừa bộn, linh kính;



Thiếu phụ quát khẽ, lấy cùi chó hất đầu chó rồi nghiêng chân đá con chó một phát! Chó kêu ăng ăng, ngơ ngác một hồi rồi cong đuôi chạy ra lối cũ. Một nhà sư trạc ngoài tam tuần, to lớn, da ngăm đen, khoác chiếc y màu hung sẫm, bước vào với những bước dài. Con chó vàng lại thụt lùi vào cửa, gầm gừ...

- Chà! Sư! Thiệt là lâu ngày!

Tiếng nói loáng thoáng niềm vui. Thiếu phụ rửa vội tay rồi đứng lên, nụ cười duyên dáng làm cho đôi má xanh chợt ửng hồng. Nhà sư đứng dựa bên ngoài cánh cửa, bát mang trên vai, mưa lấm tẩm từng hạt bụi trên y. Con chó vàng đưa mũi hửi đôi chân đất lấm bùn của khách lạ.

- Chào chị! Hai cháu đi đâu cả mà không thấy hờ chị Hạc?

Thiếu phụ mang ra chiếc ghế đầu đặt dưới hiên, dáng dấp nhanh nhẹn và dịu dàng.

- Các cháu bị bà ngoại bắt cóc hết rồi sư ạ! Tiếng nói, hơi thở, ánh mắt của thiếu phụ như xoắn vào nhau - Mời sư ngồi. Ngồi tạm đây một chút cái đã! Chà! Bà nói, bọn bây có nuôi nổi cháu tao không, nhà quê *com liền kiêng, cá lan can* mà còn có chất cám, chất đạm, bảo đảm săn thịt, chắc xương đó nghe! Thiếu phụ cười nhỏ - À, nhà sư đi đâu mà chẳng có dù, có áo chi hết trơn hết trọi vậy?

Nhà sư ngồi xuống ghế, tháo bát đũa trên chân, tiếng nói ồm ồm như lệnh võ:

- Anh Hạc trở bệnh bao lâu rồi chị?

- Dạ, đâu chừng mười hôm - Thiếu phụ thở ra, ngồi ghé nơi bực cửa, mắt nhìn ra xa. Một cây đầy hoa tím đong đưa đầu ngõ. Con chó nằm lặng lẽ bên chân - Từ hồi năm ngoái tưởng đâu là lành hẳn luôn, ai ngờ!

Tiếng máy phóng thanh từ đường vọng lại... bội thu, năng suất, vượt kế hoạch, vượt chỉ tiêu... Một cơn gió gỡ hai ba chiếc lá vàng ném xuống sân trước. Hai con chim mỏ đỏ sà xuống vườn hoa. Thiếu phụ ngồi ôm gối. Hình như trên mặt nàng có rây một lớp bụi thời gian, vàng xanh và mệ mòi...

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Tiếng người đàn ông lại vọng ra, rõ mồn một.

- Đó, đó! Thiếu phụ nhìn nhà sư - Chẳng biết cái cục đá nào mà ảnh đòi quăng miết!

Nhà sư nhú mày. Có tiếng gà gáy ở xa xa, tiếng xe động cơ nổ rồi sau đó, tiếng chuông nhà thờ đổ hồi. Mưa lay bay, trời mát dịu.

- Anh Hạc có nhớ chi không chị?

Có cái gì long lanh trong mắt của người thiếu phụ.

- Hôm bà ngoại lên, thiệt lâu ảnh mới nhớ. Má, má, *quăng cục đá ra ngoài!*

Thiếu phụ cười khẽ, man mác, xoa xoa hai cánh tay để trần, gầy guộc trắng.

- Máy lúc này sư ở đâu?

- Dạ, lúc này ít đi đâu được. Từ hồi về quê đến giờ chỉ có việc cuốc đất trồng khoai, trồng rau thôi; lại có phụ thêm cái nghề thầy thuốc, châm cứu và trồng thuốc nam. Bệnh nhân họ quản bên chân chị ạ. Vả lại, giấy tờ, xe cộ...

- Dạ, hèn gì lúc này trông sư như ông lực điền, hồi xưa nho nhã...

Nhà sư cười dòn:

- Tôi mà nho nhã... Hồi ở Đại học Vạn Hạnh, quý vị đã không chọc ghẹo tôi là ông nhà quê một cục, một hòn đó sao?

Thiếu phụ cũng cười:

- Nhưng sư được mọi người tin cậy. Kính mến và tin cậy. Ngay chính anh Hạc, ảnh điên vì chữ nghĩa, nhưng hễ cứ gặp sư, ảnh lại tỉnh.

- Tỉnh chút ít rứa thôi! Nhà sư lắc đầu - cái bệnh ấy... khó lắm!

- Ảnh nói - Một câu hỏi, không giải mã được, đã điên rồi, huống hồ lại trùng trùng câu hỏi. Ôi, nhức cái đầu quá, nhức cái đầu quá!

- Tôi hiểu, tôi biết! Nhà sư gật đầu nhẹ.

- Anh Hạc nói, quăng được một cục, cuộc đời lại nhét vô thêm hai cục, ba cục. Giải quyết được một câu hỏi, cuộc đời lại tròng thêm trăm câu hỏi, ngàn câu hỏi...

- Tôi hiểu, tôi biết!

Nhà sư lại đáp như cái máy, nhưng bây giờ lại có vẻ đăm chiêu, ba vệt nhăn cắt ngang vàng trán thấp. Có người khoác tờ bị thập thò bên ngoài cánh cửa, con chó vàng chồm ra, sủa inh ỏi.

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Nhà sư nói:

- Chị cho phép tôi lên thăm Hạc...

- Sư có việc gì đâu mà vội. Một thân, một mình. Biết vậy, hồi xưa tôi cũng đi tu quách, giải thoát cái sự đời!

- Hồi xưa, ai cũng nói hồi xưa! Nhà sư cười thành tiếng - Hồi xưa thì ai cũng dại, hồi nay thì ai cũng khôn!

Thiếu phụ nói như nguýt sau đuôi mắt:

- Thôi mà sư, nhạo chi tội!

- Ai cũng nói, giá mình được bắt đầu lại, giá mình được chọn lựa lại, sắp đặt lại, chị có thấy như thế không?

- Dạ, thấy chứ, thấy mà cũng chịu. Lỡ rồi!

- Mà ví dầu có chọn lựa lại thì một lúc nào đó, người ta cũng nói rằng, không, vậy là không được, phải bắt đầu lại, phải lựa chọn lại nữa. Hóa ra ai cũng có hai ba cuộc đời chứ không phải một!

Nhà sư nói như có nụ cười trong ánh mắt.

- Dạ! Nếu hồi xưa ai mà nói vậy chắc tôi không tin. Tưởng rằng nó sẽ khác đi!



Giọng thiếu phụ như cơn gió heo may, thoáng lạnh rồi xa!

Im lặng.

- Thế ra chị vẫn còn băn khoăn về cái gọi là mệnh số đời người! Lẽ ra chị phải thấy rồi chứ!

Thiếu phụ ra chiều tư lự, nhìn mấy ngón chân gầy xanh, sau đó, xoè bàn tay ra, nhìn những đường vân số giăng mắc chi chít như mạng nhện rồi khẽ nắm lại.

- Thôi thì cứ sống vậy, ngơ ngác ngác ngác mà sống chứ không còn biết thế nào nữa cả. *Sự trục nhân tiên quá, lão tòng đầu thượng lai!*

Thiếu phụ cười. Nhà sư cũng cười:

- Cử nhân văn khoa có khác!

Nhà sư đứng dậy:

- Một năm thì có bốn mùa, thời tiết theo đó mà thay đổi, thay đổi nào cũng tự nhiên và hợp lý. Đời người gấm ra rồi cũng vậy. Chị nên để ý đến sức khỏe, cho Hạc và cho mấy cháu.

- Dạ!

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Nhà sư bước lên nhà trên. Thiếu phụ đi vào bếp.

Trong phòng, người đàn ông ngồi trong tư thế đầu cúi xuống, hai cánh tay bỏ thông, tóc rũ che nửa khuôn mặt. Nhà sư đặt bát bên góc bàn rồi mở tung tất cả các cánh cửa, đến ngồi bên cạnh người đàn ông, ôm vai y, yên lặng. Tiếng con thạch sùng chắt lưỡi trong hóc tường.

- Anh Hạc! Anh Hạc!

Nhà sư cất giọng lớn, lay gọi. Hồi lâu, người đàn ông ngừng đầu lên, nhìn, đôi mắt vô hồn.

- Hạc! Hạc! Y lấp bắp rồi vung nắm tay về phía trước: *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Nhà sư khẽ thở dài, vuốt lại mái tóc cho người đàn ông; lát sau, đi về phía bàn viết, vô tình lật tới lật lui mấy quyển sách trên bàn phủ đầy bụi. Một trang giấy rời chọt rớt ra. Nhà sư lượm lên, đôi mắt đột nhiên nhìn đăm vào đó.

Nhà sư kéo ghế ngồi. Ở nơi trang giấy thứ nhất có hàng chữ viết bằng bút nguyên tử đỏ: “*LÀM THẾ NÀO ĐỂ QUĂNG CỤC ĐÁ ẤY RA NGOÀI THẾ GIỚI?????*” Trang giấy thứ hai được chép bằng mực đen, chữ nguệch ngoạc như gà bươi, như sau:

- “*Tại sao cái ách trên cổ trâu?*”

*Tại sao con ngựa lại đóng móng chân, đeo hàm thiếc?*

*Tại sao người ta lại xua đuổi đàn cừu vào thảo nguyên?*

*Tại sao Chúa bị đóng đinh? Cứu chuộc loài người hay bị loài người cứu chuộc?*

*Tại sao đức Phật thuyết pháp bằng chữ, bằng lời? Lại nói về cái gọi là như chân như thực?*

- *Nếu như thực là như thực thì xin thưa với Đức Như Lai Thế Tôn rằng, tại làm sao thằng cha họa sĩ Văn Hữu Đá kia lại vẽ cục đá có rêu trong mấy bức tranh thủy mặc lắm lắm của hắn? Cái đó là như thực hay không như thực? Và, tại làm sao mà trong cõi lòng đen đúa nặng nề hôi hám cầu xí chuồng phân của đệ tử lại nhiều cục đá lắm vậy, quăng hoài nó không hết? Vậy thì cục đá của họa sĩ Đá, cục đá trong bài thơ của nhà sư tu hú và cả cái đóng đá nguyên xi không rêu của đệ tử, là một chăng? Là không một chăng? Quăng cục đá ra ngoài!”*

Ở nơi góc cuối là bức tranh một cục đá với mấy nét phác thảo dị giản bằng mực tàu, dưới có chứa mấy hàng chữ:

- “*ĐÁ KHÔNG RÊU, nghĩa là: Đá nguyên xi, đá niết-bàn, đá bỏn lai diện mục, đá nhất nguyên, đá tuyệt đối, đá chân như... ĐÁ CÓ RÊU, nghĩa là: Đá suối khe, đá trầm luân, đá sinh tử, đá tục lụy... Và do đó: đá đã đảo, đá dùng dùng, đá đong đũa, đá đong dành, đá đã đót, đá diên đầu, đá dầm đuối, đá diên đảo, đá diêu đứng, đá đông đoài, đá đông độ... Tại sao đá? AI LÀ ĐÁ, NGÀN NĂM SAU SẼ HIỂU! Quăng cục đá ra ngoài!”*

Nhà sư bỏ tờ giấy xuống bàn, bần thần nghĩ ngợi...

Một người đàn ông đội chiếc nón găng rộng vành, vai mang một chiếc dây to, bước ào vào cửa cuốn theo một làn hơi lạnh.

- Họa sĩ Văn Hữu Đá! Nhà sư reo nho nhỏ.

- A, trời đất, đại huynh! Y quăng cái nón vào góc, bỏ dây xuống bên chân, tháo áo mưa mắc lên giá, hai tay vuốt vuốt mái tóc - Đệ vừa ở rừng về, trời ơi, chúng đệ vừa lập xong một thảo am thơ mộng, cạnh một dòng suối thơ mộng, những gốc cổ thụ bám đầy phong lan và rêu xanh thơ mộng. Thơ mộng và thiên cổ. Đệ có bảo thằng *đệ-từ-tà* vân hành xuống nội kiểm đại huynh; thứ nhất là báo cáo công trình một đời, hai là xin đại huynh bố thí xăng nhớt. Ai ngờ đại huynh lại vào đây. Kẻ rừng xuống nội, kẻ nội vào thành. Đi lạc lung tung, vui dữ!

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

- Quăng đi đâu được - Văn Hữu Đá nói - Ông mà có quăng, có vút, thì cái quăng, cái vút ấy cũng là cục đá đó thôi!

Họa sĩ kéo ghế ngồi. Nhà sư nhìn người bạn vong niên: Y không thay đổi gì nhiều, chỉ có tóc và râu là dài hơn thường lệ; một chút an ổn và thoải mái toát ra nơi dáng ngồi hờ hững, nơi đôi mắt sáng và nụ cười đầy tự tin.

- Bạn có biết là Hạc trở bệnh chứ?

- Biết, có biết từ tuần trước!

- Thế họa phẩm lớn đến đâu rồi?

- Rồi, xong rồi!

Họa sĩ quăng gói thuốc Hậu Giang lên bàn, móc ở túi áo trên một điều thuốc 555, mời:

- Đại huynh hút?

- Cảm ơn, bạn cứ tự nhiên.

Họa sĩ cười, châm lửa, hít một hơi sâu và không thở khói ra, khói đã mát tích đầu đó trong buồng phổi của hắn. Họa sĩ lim dim mắt, ngón tay gõ

gỗ lên bàn, lại vuốt tóc. Chợt y đứng bật dậy, lúi búi trong đấy ra một cuộn giấy, trải ra bàn, giọng háo hức, dồn dập:

- Nếu nghệ thuật trong cõi sơ huyền chỉ có một mảnh trăng non duy nhất, thì nghệ thuật của thời khuyết nguyệt cũng chỉ có một mảnh trăng non duy nhất. Giữa khếp mở của hai cực tạo nên mối khố liệt trần gian - là vì con người không nhìn thấy sự bất động duy nhiên giữa mọi hiện tượng, của mọi hữu tồn cá biệt. Cái cao tột và thâm viển của nghệ thuật là phải đẩy tâm thức người thưởng ngoạn vào cõi sơ khai, huyền tính; ở đó là điểm bất động của không thời gian - khi chưa phân ly, chưa thoái hóa và xung đột. Phân ly, thoái hóa, xung đột bắt đầu từ khi nó từ chối sơ huyền để tìm về khuyết nguyệt. Giải thoát, chính là ở cái *sát-na* kỳ ngộ ấy, khi mình nhìn ra cái nguyên thủy của chính mình, cái quê hương mà mình thường trực chối từ!

Hoạ sĩ Văn Hữu Đá nói một hơi rồi đưa tay chỉ vào bức tranh:

- Đại huynh coi! Tác phẩm này là duy nhất và tối thượng, nó vượt bỏ mười ngàn năm nghệ thuật thế giới, vượt bỏ mười ngàn trường phái cổ kim... hê, hê! Đại huynh thấy chưa? Hê, hê! Giây phút này chính là giây phút gặp gỡ của vô cực! Hê, hê! Một triệu ngôi sao đã vỡ giữa trời cao! Hê, hê! Thế giới này sẽ tịch diệt khi họa phẩm thiên tài này ra đời, hà, hà!

Hoạ sĩ cười sảng khoái, bộ râu mép lưa thưa không ngừng nhúc nhích, đôi mắt y nheo lại sau làn khói thuốc. Nhà sư đứng dậy nhìn bức tranh, lâu lắm, không nói gì!

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

- Quăng đi đâu được - Họa sĩ nói - cục đá là cục đá thôi. Thế nào đại huynh? Có phải thiên cổ không?

- Thiên cổ!

- Hay! Phải thế chứ!

- Nhưng mà...

- Ô, đại huynh cứ nói, cứ phê, cứ tuốt luốt, cứ thẳng đuột...

- À, thì tôi nói, tác phẩm của bạn trông na ná tác phẩm của Hạc, không khác gì!

Nhà sư lấy trang giấy có mấy nét phác thảo cục đá của Hạc cho họa sĩ xem. Y la lên:

-A, kỳ không! Trong cơn điên, Hạc mới tỏ lộ được thiên tài. Còn đệ, đệ có thể đạt được nó với cái tâm bình thường. Bình thường thức, bình thường ý, bình thường cọ, ghê không!

Nhà sư cất giọng chậm rãi:

- Tôi bây giờ đã thật sự hủ lậu và quê mùa rồi, không còn kham nổi ngôn ngữ thiên tài của bạn nữa. Nói cụ thể, và là cái cần nói hôm nay, là về cục đá, cũng là căn bệnh của Hạc. Tôi có nghiên cứu về y đạo, y thuật, tôi biết, Hạc trở bệnh nặng, nó có liên hệ từ tác phẩm đá của bạn đấy!

- A! Đúng là lời buộc tội ghê gớm!

- Không ghê gớm lắm đâu, vì đó dường như là sự thực. Cái cục đá như thực, không rêu của Hạc và cục đá như thực, không rêu của bạn lẽ nào là sự ngẫu nhiên!

Họa sĩ có vẻ trầm ngâm, y với tay lấy gói thuốc Hậu Giang, hút rồi nhả khói mù mịt.

- Ô, có lẽ có. Đệ và Hạc quả là đã tranh luận với nhau không phải chỉ vài ba lần. Mà mãi, luôn luôn, về cái như thực ấy, về cái *bồn lai diện mục* ấy!

Im lặng khá lâu giữa hai người.

Thiếu phụ bung khay trà lên. Trà Mai Hạc có hãm bông tường vi, thơm nhẹ và ấm cúng.

Họa sĩ chột tăng háng, đọc:

- “ *Cục đá trong lòng ù lì, tráo trở*

*Cục đá bên ngoài rêu xanh mấy độ*

*Nặng trầm luân, sinh tử đã ngàn năm*

*Biết bao giờ hóa ngọc, thành trăng! ”*

Rồi nói: Thế còn cục đá của đại huynh trong bài thơ ấy phải giải thích làm sao, hở?

Nhà sư cười nhẹ:

- Ủ, phải rồi, cũng được! Chính những cục đá ấy - những cục đá bên trong và bên ngoài thế giới - những cục đá giữa chúng ta...

Họa sĩ cười sáng khoái:

- Tốt! Y búng ngón tay một cái tróc - Luận đề về cục đá, luận án cục đá, hay lắm!

- Bạn đừng nhạo tôi!

- Không dám!

Hạc trên giường chột bước xuống, đứng dậy đi mấy bước, vung nắm tay về phía trước, đồng dục:

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Họa sĩ nhại theo:

- Vứt thằng Đá ra ngoài! Vứt thằng Đá ra ngoài! Chi được! Vứt thằng này ra ngoài thì trái đất tan thành bảy mảnh còn gì!

Thiếu phụ chạy tới dìu Hạc ngồi lại chỗ cũ, lấy thuốc trên bàn mời cho y một điếu. Hạc thở khói với đôi mắt lơ đãng. Trời vàng tối hắt bóng đêm vào phòng. Thiếu phụ bật đèn.

Nhà sư đặt bức tranh trước mặt họa sĩ:

- Bây giờ bạn hãy nhìn lại bức tranh của mình, bạn thấy gì?

- Thấy cái chân không - Họa sĩ nói, không cần nhìn - giả tử còn để lại khái niệm thì chỉ là một tảng đá không rêu, một vật thể đúng nghĩa nguyên thủy. Và ban sơ!

- Ô, đúng lắm! Và như vậy có nghĩa là gì?

- Than ôi! Chẳng có nghĩa lý gì ráo trọi!

- Có đẹp không?

- Than ôi! Nếu nói đẹp thì hoá ra xúc phạm nghệ thuật quá đi.

Nhà sư gật đầu:

- Đây là điều mà bạn bảo là duy nhất và tối thượng, là vượt bỏ mười ngàn năm nghệ thuật thế giới, là mấy triệu ngôi sao đã vỡ giữa trời cao! Ôi! Và đây cũng là điểm cùng đích tuyệt vời của nghệ thuật, *đạt cái bốn lai diện mục của vật thể, cái ù lì nguyên sơ chưa sinh hóa!*

- Không chối cãi!

Họa sĩ đứng lên rồi lại ngồi xuống. Nhà sư nhìn đắm vào mắt bạn:

- Đây là lần mức cuối cùng mà nghệ thuật phải tự hủy chính mình để nhảy vào thái hư. Hình tượng trên tác phẩm cuối cùng của bạn chứng tỏ gì? Chúng tỏ nghệ thuật đã chết!

- Phải rồi, không sai được!

- Và khi ấy, người ta còn gọi là nghệ thuật nữa chăng?

- Chẳng thể. Cáo chung!

Nhà sư chậm rãi nói:

- Bạn đừng mong rằng nghệ thuật là để diễn đạt tư tưởng, nhất là tư tưởng kiêu kỳ và thâm viễn của bạn. Tư tưởng muôn đời là cái tranh chấp, xung đột và ly tán. Nghệ thuật là cái đẹp vô biên giới, ở ngoài khách quan và chủ quan, chỉ để nhìn ngắm và cảm nhận vô ngôn. *Tư tưởng là lý trí và tế bào não. Nghệ thuật là con tim và cảm xúc.* Và hết. Nên tách lìa tư tưởng và nghệ thuật, vì dầu sao, chúng có hai giá trị tương biệt.

- Đệ hiểu chứ - họa sĩ nói - tuy quan niệm về nghệ thuật của đại huynh hơi lạc hậu, nhưng tuyệt đối tư tưởng không giải quyết được gì cho thế gian và thế giới. Chỉ là trò hý lộng mơ màng và lênh đênh. Là cuộc chơi hào hùng lê thê và buốt giá. Là tiếng cười cao đại và hoảnh viễn của hư vô và ngu si! Khán giả đã ra về hết rồi, hãy hạ màn đi thôi, tư tưởng ạ!

Nhà sư nhíu mày:

- Bạn biết rất rõ thế, tuy rất rõ với nghĩa võ đoán, vu chụp, cực đoan - nhưng tại sao bạn vẫn cứ mãi chơi cái trò *điên chữ* ấy?

- Phải, *điên chữ*, đại huynh nói đúng! Vì ở đâu, lúc nào cũng gặp những cục đá ù lì đáng ghét. Cái tội sống trong thế giới vật chất đầy lông lá tiền sử đó mà!

- Tôi hiểu. Tôi biết - Rồi nhà sư nói khá nhiều, trong giọng nói hình như có sóng biển khơi mùa hạ, tiếng cơn gió phiêu lãng thổi qua hàng phi lao, tiếng còi tàu rúc lên từ các ga khói mù thiên lý - Bạn ạ! Từ lâu, Hạc bị vây bủa trong những câu hỏi mà chưa bao giờ Hạc hy vọng giải đáp nổi. Hạc bị tổn thương trầm trọng từ những như thực oái ăm và thông khổ của trần gian. Hạc đồng ý tất cả với bạn về những cục đá bên trong và bên ngoài thế giới. Tất cả, tất cả, Hạc chấp nhận như tiên thiên, nhưng mà, tự nơi con người trong sạch và hiền lương của Hạc không ngừng kêu réo, bất lực trước sự nô lệ mà con người tự tròng lên đầu lên cổ mình và tha nhân, ngoại vật. *Tại sao cái ách trên cổ trâu? Tại sao con ngựa phải bị đóng móng chân và đeo hàm thiếc?* Ai là kẻ cưỡng đoạt thế gian, thế giới để phụng sự cho mục đích nào đó của mình? Tại sao lại có các quan niệm hạnh phúc, hạnh phúc theo quan điểm của tôi chứ không phải quan điểm hạnh phúc của anh? *Tại sao lại xua đuổi đàn cừu vào thảo nguyên?* Mọi lý do, mọi nguyên nhân tôn quý và thánh thiện không lấp đầy những khôn nạn chung cùng. Điều này có lẽ bạn hiểu rõ hơn tôi. Nếu đây cũng là như thực thì mĩa mai và chua xót cho chúng ta biết bao nhiêu? Những bất công của trời đất, những nọc độc của rắn, những móng vuốt của chó sói - cũng trở thành như thực mất rồi! Hoàng hôn của mọi giá trị đã bao phủ thê lương lên nghĩa địa này, hoang mộ này; sóng ngầm đã vỗ tự lòng sâu của quả đất, sự hủy diệt nay mai của con người đã ứng trên những diềm triệu, mà than ôi, chúng ta đều là kẻ thấy trước. Thấy trước và bất lực một cách yếu hèn. Hạc bất lực trong cơn điên thảm lặng. Còn bạn thì đi *tìm sự giải thoát trong tác phẩm không chữ* của mình. Nhảy vào tác phẩm và tìm một vài phút giây kên kiệu tự mãn là cứu chuộc thế giới rộng không và bất toàn này!?

- Ôi, quả thật là hư vô! Đại huynh thấm thía cái hư vô còn hơn cả đệ và Hạc nữa!

Nhà sư giọng chùng xuống:

- Tôi là một nhà sư tầm thường, dẫu các bạn hay nhạo tôi là *tu tu hú*, nhưng tôi biết chắc, tôi không bỏ cuộc, không đầu hàng hư vô. Dẫu chỉ còn



một chút hơi thở và sự sống, tôi cũng gieo một hạt cải, trồng một cây táo; và nhất là biết sống như thực với lòng mình, không giả vờ, không che giấu, nguy trang... Cuối cùng nữa, là không để cho những ngã ái, ngã kiến - những cục đá kiên cố, trơ mốc, ù lì, nặng nề thường làm cho chúng ta nghiêng lệch cán cân trung hòa tâm nội. Cục đá trong bài thơ của tôi là như thế.

Họa sĩ Văn Hữu Đá thờ dài:

- Thôi, hạ màn tất cả những vai diễn, đệ sẽ đốt tất cả tác phẩm, về rừng cuộc núi làm rẫy chơi...

Căn phòng chợt yên lặng. Tiếng phóng thanh lại nổi lên... tăng gia, sản xuất, đánh thắng đói nghèo... Gió thổi vù vù qua cửa, hình như mang theo rất nhiều lá khô... Thiếu phụ khẽ thở dài.

Người đàn ông cất giọng đồng dục:

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

---o0o---

#### 4. MÙ SƯƠNG

Năm học lớp sáu, lần đầu tiên tôi được đến chùa.

Chiếc xích-lô bỏ mẹ con tôi phía trước con đường nhỏ, nhìn vào bên trong thấy sâu hun hút. Đi bộ một quãng, bước qua cổng tam quan đồ sộ là chiếc sân rộng với nhiều gốc cây cổ thụ. Sân vắng người. Một con chó to và mập từ bên trong chạy ra cong đuôi sủa. Một ni cô đơn đả bước ra chào hỏi rồi dẫn mẹ con tôi đến dãy nhà lớn. Mẹ bảo tôi bỏ dép rồi bước lên những bậc cấp cao. Nơi căn phòng đầu tiên, vị sư tuổi ngoài ba mươi, người tầm thước, da láng lẩy, khuôn mặt hiền từ, vài lời xã giao với mẹ tôi rồi lại dẫn đến một căn phòng khác. Tôi thấy vị sư cũng như mẹ tôi quỳ xuống lạy một vị hòa thượng to lớn, đầy đà có lẽ là đau ốm nên nằm trên chiếc võng xanh. Tôi nấp bên sau lấm lét nhìn.

- Lạy ngài cho có phước con!

Tôi đang lúng túng thì mẹ tôi đã kéo tôi đến trước mặt hòa thượng, bảo tôi quỳ lạy. Tôi cúi xuống, “cuốc” năm sáu “cuốc”. Nghe tiếng cười của cả mấy người, tôi đỏ bừng mặt, bỏ chạy ra ngoài. Câu chuyện giữa họ tôi

không hề để ý. lát sau, từ dưới đi lên mấy vị sư to lớn, bệ vệ, nghiêm trang - sau lưng là một ông già râu bạc, đóng bộ veston quý phái cùng các bà, các cô ăn mặc lộng lẫy, trang điểm kim cương, hột xoàn gì gì đó trông rất sang trọng. Căn phòng với những tiếng nói vừa đủ nghe. Tôi rón rén từng bước rồi vụt chạy xuống dưới...

Đến trước căn nhà to lớn nhất, tôi thấy ông Phật vàng ngồi trên tòa sen cao, xung quanh gắn những bóng đèn li ti xanh đỏ. Hoa giấy, hoa ni lông, hoa vải rực rỡ, vui tươi khoe màu, khoe sắc... Những cây nhang to không thấy khói mà cứ cháy đỏ rất lạ lùng. Tiếng tụng kinh không biết phát ra từ đâu mà cứ đều đều, đều đều tuôn ra không ngớt. Tôi nhìn quanh, không thấy có ai, mon men bước trên nền nhà trơn chảy mỡ, dòm những bức tranh màu trên tường - có những con người ta hồng hào đẹp đẽ như tiên như ngọc. Một con ngựa đeo dây châu báu, người cũng đeo dây châu báu, sau đuôi bám theo một người nữa - bay qua một con sông lặng lẽ, xanh, nổi bật giữa nền trời ửng hồng. Kia là một vị hoàng tử phong lưu anh tuấn cầm gươm vàng đưa lên như cố ý cắt tóc mình. Và đây là một chú bé mũm mĩm, kháu khỉnh đang ngồi lim dim như ông Phật con. Thấy thì hay, vui, lạ mắt nhưng coi một lúc thì chán; tôi lén ra bên sau thì thấy một dãy nhà ngói dài hun hút. Phòng này nối tiếp phòng kia, và ôi chao ôi, sư đâu mà nhiều lắm thế. Cứ mỗi phòng như vậy là vài ba vị. Mỗi người đang làm những công việc riêng. Người thì đang phơi y. Người thì đang ngồi viết gì đó bên trong cửa sổ. Người thì đang cạo râu, đọc sách, uống trà... thỉnh thoảng văng ra những tiếng nói cười...

Tôi thở một hơi dài nhẹ nhõm. Đi quanh ra bên sau nữa là một khu vườn um tùm cây xanh. Tôi đi thò thẩn một hồi dòm những cây ăn trái như chuối, cam, đu đủ... những thân thụ to nở đầy hoa vàng. Sau khu vườn cũng có một dãy nhà nữa, có rất nhiều vị sư lớn tuổi ở nên có vẻ yên tĩnh, trang nghiêm hơn. Hướng về bên trái tôi chợt thấy hai con sóc đang rượt nhau, xòe cái lông đuôi rất đẹp. Vui quá, tôi đưa mắt nhìn chúng. Một con chợt chạy xuống theo cành cây, đưa mắt nhìn tôi rồi nhích nhích cái đầu có vẻ tinh nghịch. Con kia cũng chạy xuống, cong đuôi rồi lại chạy lên. Tôi ngoái tay ra sau cầm một cục đá, nhắm vào một con, ném mạnh. Tâm kiếng ở nơi nào đó nghe choang một tiếng. Tôi định co giò chạy thì nghe một tiếng nói nhỏ nhẹ từ sau lùm cây:

- Em đừng chạy mà vấp té!

Tôi quay lại. Một vị sư khỏ người nhỏ nhắn, nước da trắng xanh, tay cầm quyển sách bước ra với nụ cười hiền lành. Tôi thấy hơi vững dạ. Vị sư đến nắm tay tôi:

- Tấm kiếng ấy đã vỡ rồi, vỡ thêm một chút nữa cũng không sao mà!

Tôi theo chân vị sư lách mình ra khỏi lùm cây. Cuối vườn có một căn phòng nhỏ, cũ kỹ, tường vôi tróc lở. Viên đá của tôi còn là chứng tích nằm vô duyên giữa nền đất. Tôi không dám nhìn lên khung kiếng vỡ. Vị sư cười, mở cửa, phòng tối và thấp. Bên phải là chiếc giường sắt, mùng màn treo lủng lẳng. Bên trái là chiếc bàn viết bằng gỗ tạp nhìn ra cửa sổ có hai cành liễu đong đưa dịu dàng. Cạnh là một kệ sách lớn, nằm dài dọc theo tường. Vị sư lấy một chiếc chiếu trải ra giữa nền xi-măng đã tróc nhiều chỗ, lấy từ cái bát đen đem cho tôi hai trái chuối, mấy viên kẹo và bánh...

- Em ngồi đó và ăn đi, đừng ngại!

Vị sư vuốt tóc tôi:

- Em học lớp mấy rồi?

Tôi đáp lí nhí:

- Dạ thưa, lớp sáu ạ!

- Vậy là em học giỏi. Hồi xưa tôi học đệ thất - là lớp sáu bây giờ - tôi cao hơn em cả một cái đầu!

Sư lấy tay phủi những vết dơ phía bên sau áo tôi. Chợt có tiếng keng đánh một hồi dài. Lát sau, nhìn ra, tôi thấy rất nhiều chiếc y màu vàng thấp thoáng giữa những hàng cây.

- Keng đánh báo hiệu giờ ngộ trai đấy em ạ!

Sư ân cần giải thích. Hóa ra sư không đi cùng ăn chung với mọi người. Sư đi bát và dùng trong bát.

Trưa ấy, tôi được sư cho cùng ngồi, cùng ăn trên manh chiếu cũ.

Tôi quen vị sư ấy bởi kỷ niệm đó.

Những lần theo mẹ tôi, sau này, khi cúi xuống lạy hòa thượng ba lạy xong - là tôi lại lên ra bên sau chơi với hai con sóc hoặc vô phòng của vị sư ấy. Lúc nào sư cũng cho tôi quà này hay quà nọ. Đôi khi sư lại cho tôi những quyển sách nhỏ về mẫu chuyện đạo, những xấp hình màu rất đẹp - mà sau này tôi mới biết đấy là sự tích đức Phật từ sơ sanh đến nhập diệt...

Càng gần gũi tiếp xúc với sư bao nhiêu tôi lại càng thấy kính mến sư bấy nhiêu. Cái không khí trịnh trọng, trang nghiêm quá mức ở phía trước làm tôi sợ hãi - thì nơi căn phòng đơn sơ, nghèo nàn này lại cho tôi niềm bình an và sự thân thiết... Sư ít đi đâu. Thường thì chỉ đi khát thực quanh xóm rồi về. thỉnh thoảng nơi manh chiếu cũ của sư là một vài người khách nom lớn tuổi, dong mạo khác thường. Người thì hút ống vố to, người thì mang kiếng dày cộm, người thì râu ria xồm xoàm. Tôi đến, họ coi như không có. Sư cho tôi ngồi một bên, cho uống tách trà nhỏ hoặc cho ăn những viên kẹo. Khách của sư thiệt vui tính. Họ nói cười tự nhiên, hì hà hỉ hả. Đôi khi họ lớn tiếng tranh luận gay gắt một vấn đề, và cuối cùng, dường như chẳng đi đến đâu, vì chẳng ai chịu thua ai!

Một đôi lúc, thấy tội nghiệp cho cái bát của sư - vì phải cung cấp thức ăn cho bốn hoặc năm cái bao tử lớn. Sư nhìn miệng đãi khách là thường. Một vài lần thấy sư ngồi trầm ngâm bên cửa sổ, tôi vào đã lâu mà dường như sư không hề hay biết. Đôi khi sư có ngâm nho nhỏ, ư ử một vài bài thơ cổ, ngồi thiền hoặc nằm đọc sách trên võng. Trên bàn viết của sư, lâu lâu có vài nhánh phong lan, hồng, cúc... trong chiếc bình hình thuồng màu cà-phê sữa. Sư ít nói nhưng hay cười. Đi tới đi lui trong phòng hoặc uống trà một mình là sở thích khác của sư vậy.

Có lần, lúc tôi vừa đến cửa phòng sư thì bên trong có nhiều tiếng nói. Nội dung tôi không nắm vững. Hình như người ta trách sư đã dạy cho Phật tử giáo pháp cao siêu để họ bắt bẻ quý sư! Hình như họ đã cười gằn, bảo là sư muốn tu hành cao thượng hơn mọi người khi chỉ đi khát thực và ăn trong bát! Hình như họ lớn tiếng chua chát, rằng là trong chùa này ai cũng biết sư là nhà văn, nhà thơ, nhà học giả... học giả chớ không phải học thiệt đâu nghe... Sư nhẫn nhịn và có vẻ chịu thua, không cãi lại một tiếng...

Khi họ hậm hực bỏ đi thì tôi mới vào.

- Sao người ta kỳ vậy sư?

Sư cười khẽ:

- Em còn nhỏ, biết làm chi chuyện ấy!

Khoảng thời gian khá lâu không đi chùa, tôi lại thấy nhớ. Mỗi lần ở bên sư là lòng tôi an ổn xiết bao. Tôi không còn thấy thú vui nơi mấy con sóc nữa - mà đời sống hiền hòa, tịch mịch, cô đơn của sư đã lôi cuốn tôi. Có một thời gian sư ốm và xanh, đôi mắt sâu hoắm nhưng sư vẫn ngồi bên bàn viết, đọc sách hoặc trầm tư nghĩ ngợi. Tôi được học hỏi từ nơi sư về cuộc đời của đức Phật, trí tuệ và từ bi của ngài. Tôi cũng được sư nói sơ sơ cho nghe thế nào là đời sống xuất gia, thế nào được gọi là cư sĩ tại gia...

Năm ấy tôi đã học lớp tám. Mẹ tôi sau khi vào thăm hòa thượng, trở ra, không tìm thấy tôi, có người mách bảo, bà đến phòng sư. Thấy tôi đang uống trà, ăn bánh cùng sư trên chiếc chiếu giữa nền nhà, mẹ tôi la toáng lên:

- Chu choa ơi, sư tập vậy là nó hư! Sư lại cho nó cùng ngồi, cùng ăn... một chiếu nữa thì giới luật tỳ-khưu ở đâu nữa hỡi trời!

Mẹ tôi kéo tôi ra ngoài. Sư thoáng tái mặt, nhưng sau đó trở lại bình tĩnh rất nhanh, nói rằng:

- Dạ, phải rồi, cảm ân bà đã lưu tâm nhắc nhở!

Mẹ tôi đánh tôi một bạt tai tóe lửa, hét the thé:

- Đã bây lớn tuổi đầu mà không biết giới luật là cái chi cả, dám ngồi ăn với tỳ-khưu là tội lút đầu lút cổ đó nghe máy!

Tôi râm rứt khóc. Sư cất giọng ôn tồn:

- Thưa bà, lỗi tại tôi chứ không phải lỗi tại cháu! Thành thật xin lỗi bà nếu có gì đó không phải...

Mẹ tôi lôi tôi đi xênh xệch, buông thõng:

- Không dám ạ!

Từ đàng xa, quay lại, tôi vẫn còn thấy sư đứng khoanh tay nhìn một vật gì phía trước... Và cũng kể từ đó, về sau, mẹ tôi cấm tôi không được gặp sư, sợ hư thân mất nết. Đến chùa, mẹ tôi cứ bắt tôi ngồi riết nơi căn phòng của hòa thượng, chẳng cho đi đâu cả. Tôi cũng cứng đầu, cương quyết không đi chùa nữa dầu bị đánh đập thế nào!

Thế là trong mắt mẹ, tôi là đứa con hư! Mẹ tôi chỉ chăm sóc hai đứa em tôi và cho chúng đi chùa chứ không hỏi han gì đến tôi nữa.

Tuổi nhỏ vốn chóng quên. Mấy năm sau khôn lớn, theo chúng bạn rong chơi, phá phách, tôi không còn nhớ gì chuyện cũ. Năm ấy tôi thi rớt đại học. Chú tôi từ tỉnh nhỏ vào, nói với mẹ tôi bây giờ gian hàng không có ai quản lý, chú thì đi sớm về khuya - hay là cho tôi ra ngoài ấy để chăm lo sổ sách, tiền lương sẽ trả hậu hĩnh, dù sao thì con cháu vẫn đáng tin cậy hơn người dung nước lũ!

Tôi đang buồn thi hỏng, lại chán đời sống quen thuộc đầy bụi bặm ở Sài thành, muốn thay đổi không khí nên xin mẹ nhận lời. Mẹ tôi ngần ngại vì tương lai học vấn của tôi, nhưng nghĩ đến món lợi trước mắt bèn đồng ý. Tôi từ già bạn bè, vài ba mối tình học trò vợ vẫn rời ra đi. Tôi ở với bà thím già trông coi cửa hiệu, sổ sách, giấy tờ kế toán, nhận hàng và giao hàng; phụ tá là người đàn ông bà con xa. Việc bếp núc, giặt giũ đã có người ở gái. Công việc mới của tôi chiếm khá nhiều thì giờ, hầu như chỉ còn rảnh vào ban đêm, nhưng thường là quá mệt nên chỉ việc ngủ khoèo!

Thời gian thấm thoát trôi qua thật nhanh. Sáng sớm kia, mệt mỏi nhìn qua vuông cửa, một con chim màu xanh biếc tung cánh lên khoảng trời màu hồng lam - tôi chợt giật mình hoảng sợ! Làm việc, ăn ngủ, kiếm tiền... tôi sống như vậy sẽ được bao lâu? Một năm? Hai năm? Vĩnh viễn? Suốt đời? Đóng những bộ áo quần đúng mốt, thức ăn thức uống đủ đầy, bạc tiền tiêu pha rủng rỉnh... Thế là nhu cầu và đáp ứng, đáp ứng và nhu cầu - một lúc nào đó sẽ trở thành máy móc, thói quen, sẽ trở thành bản năng động vật!? Lạc thú nào? Sinh thú nào? Mục đích gì? Ý nghĩa gì - ở nơi loài động vật cao cấp hai chân? Trán tôi bỗng toát ra mồ hôi lạnh. Tôi bàng hoàng, sửng sờ và như chợt thấy mình rơi hẫng vào một hư vô không đáy... Và cũng vì hư vô ấy xô đẩy tôi đi hoang, thơ thân suốt mấy ngày...

Bước chân tình cờ đưa tôi đến một ngôi chùa ven biển, gặp một vị sư du phương, tôi hỏi về mục đích và ý nghĩa của đời sống. Vị sư ấy trông cũng phong trần quá lắm, ông nhìn tôi như nhìn một sinh vật lạ, ông trả lời mà như giấu bên sau một nụ cười châm biếm: *“Mục đích ư? Ý nghĩa ư? Người bạn trẻ không thấy sao? Cả cuộc đời này, nhân loại này - chúng đang tìm về với hư vô và hủy diệt đấy!”* Tôi nghe lạnh gáy, sờn cả gai ốc! Lấy lại bình tĩnh, tôi hỏi tiếp, vậy thì còn ngài, mục đích nào, ý nghĩa gì mà sống đời sa môn không cửa, không nhà? *“Tôi ấy à? - Vị sư cười hào sảng - Tôi đang thoải mái, đang tự do rong chơi trên đồng cỏ nát điêu tàn của hư vô và*

*hủy diệt ấy!*” Nói xong, ông bỏ đi, rớt lại câu cuối cùng: “*Ý nghĩa u? Mục đích u? Chúng là ma quỷ cả đấy!*” Những câu nói lạ lùng ấy được xem như là sự tỉnh thức đầu đời của tôi! Và nó cũng như là cái công án với chiếc lưỡi búa nặng ngàn cân cứ treo lơ lửng mãi ở trên đầu tôi!

Mấy ngày trở lại nhà, chú và thím rầy la tôi; lại than van là từ khi tôi làm đến nay, không thấy lời mà chỉ thấy lỗ. Tôi kham nhẫn, yên lặng rồi làm việc trở lại. Được nửa năm, tôi lại thấy chán, muốn đi hoang; nhưng nghĩ đến khuôn mặt của mẹ, của chú thím, lại thôi. Lúc này tôi hay đọc sách về khuya, sự bình an, lạc thú chỉ đến được với tôi vào những lúc mà xung quanh đều vắng lặng. Tôi lần mò suy tư vào chiều sâu đời sống lẫn chiều sâu tâm giới. Nhiều vấn đề giày xéo, dẫn vật tôi: hạnh phúc, đau khổ, thời gian, sự chết... Tôi bắt đầu sống cô lập ít tiếp xúc với mọi người, và cảm nghe mơ hồ rằng, ở hoàn cảnh nào cũng không giải thoát được sự khổ. Một vài quyển sách về Phật giáo kiếm tìm được không giải quyết nổi những bế tắc tâm linh. Ở tỉnh nhỏ, kinh sách khan hiếm, tôi biên thư cho các em tôi nhờ tìm mua một số sách cần. Chúng cung cấp cho tôi khá đủ. Cũng từ đó, nhu cầu sách là một cái gì khá quan trọng và cần thiết cho tôi. Tôi đam mê chúng. Càng đi vào Phật giáo, tôi mới cảm thấy rằng, từ lâu, tại sao tôi không biết chúng? Tôi ngạc nhiên mà nghĩ rằng, tại sao, tuổi trẻ mình lại sống nông cạn và hời hợt đến thế? Nghèo nàn và trì độn đến thế? Ôi! bao nhiêu năm tôi đã lấy sự ngu si mà làm niềm kiêu hãnh!

Chừng một năm hơn, nhận được điện tín của các em tôi, bảo là mẹ đã qua đời vì bạo bệnh. Tôi tức tốc đáp xe lửa trở lại nhà. Thi hài mẹ tôi đã được khâm liệm và quàn nơi ngôi nhà giảng tại chùa, theo như sở nguyện của mẹ. Tôi không cảm nghe rõ ràng trong tôi một tình cảm nào; nhưng khi nghe các sư tụng kinh, tôi đã rơm rớm nước mắt. Hai em của tôi khóc um lên. Tôi là đích tử nên quỳ trước quan tài, theo lệnh của chú để biết mình phải làm gì. Tôi hơi bối rối một chút nhưng sau đó lại bình tĩnh như thường. Khi ngược mắt lên, chừng hai mươi vị sư đang tụng kinh, sau làn khói mờ tôi thoáng thấy một khuôn mặt quen thuộc. Ký ức tuổi thơ đột ngột trở về, một tình cảm nhẹ nhàng như làn khói chiều thoảng nhẹ qua tôi. Tụng kinh xong tôi tìm đến sư với nước mắt nghẹn ngào. Tôi không biết nói gì. Sư hơi ngỡ ngàng một chút, nhưng sau đó lại nhận ra tôi, cũng không nói gì.

Đám tang rồi cũng qua đi. Chừng hơn tuần sau, tôi tìm đến sư. Căn phòng không có gì đổi khác cho lắm. Kinh sách có lẽ nhiều hơn. Và tôi thoáng thấy trên bàn, ngoài chiếc bình hoa xưa cũ lại có thêm một phin cà phê và một gói thuốc hút dở. Sư đã già nhiều so với ký ức tuổi thơ của tôi;

vùng trán nhiều vết nhăn hơn, đôi mắt sâu hơn, và tóc thì trông đã muối tiêu. Tôi vẫn ngồi được nơi đây sự trầm mặc và cô tịch dạo nào.

- Em cũng còn nhớ tôi. Mà tôi cũng còn nhớ em. Ôi! thoáng đó đã hơn mười năm rồi!

Sư ân cần nắm tay tôi ngồi xuống nền nhà, bây giờ đã trái chiếc chiếu khác nom có vẻ mới hơn.

- Dạ, bạch sư! Ngồi như thế này...

-Ồ, không sao, cứ ngồi. Em cứ ngồi đây như thưở mà em còn bé tí tẹo vậy. Ôi! một thanh niên chững chạc rồi còn gì!

Tôi ngồi xuống và cảm thấy mình không được an ổn như xưa. Sư an ủi tôi về sự bất hạnh của gia đình, nói rằng cái chết là một cái gì bình thường không ai tránh được. Sau đó sư hỏi tôi về chuyện ở tỉnh nhỏ - (do các em tôi kể lại với sư chăng?) - đời sống, sách vở, tình cảm và tư duy... Tôi trình bày cho sư nghe, tuy khái lược, nhưng khá rõ ràng về những cảm nhận, những băn khoăn về tinh thần: Hạnh phúc, khổ đau, cái đẹp, điều thiện... Sư chăm chú nghe, lâu lâu gật đầu. Sư toát ra sự chín chắn trong thái độ trầm ngâm.

- Đâu cũng vậy cả, hoàn cảnh nào rồi cũng thế cả. Có một định mệnh hầu như tiên thiên là sự đau khổ của các loài hữu tình. Đã biết đau khổ tức là em đã lớn khôn vậy.

Sư không nói nhiều, hình như là nói ít hơn cả thưở xưa. Tôi thú nhận với sư là mấy lúc sau này tôi tìm được lạc thú và an tịnh trong việc đọc sách, cô đơn và trầm tư.

Nhìn tủ sách đây ắp và quý giá của sư, tôi nói:

- Ước gì con được ở đây, bên sư, đọc sách này lần nghe những lời chỉ dạy....

Sư không biểu lộ một ý gì khác lạ.

- Em cần quyền gì thì em cứ lấy. Tôi cũng yêu quý nó lắm nhưng mà đến lúc phải rời xa.



Tôi ngạc nhiên với đôi mắt mở lớn. Sư đứng dậy pha cà-phê, lấy gói thuốc bỏ xuống chiếu, không mời tôi, rút một điếu châm lửa hút. Khói thuốc thơm tỏa dịu dàng, căn phòng như ấm cúng hơn. Tôi chợt liên tưởng đến tiết sương mù mùa xuân trong nắng ấm. Sư nói:

- Lúc này tôi cũng đam hư rồi, em thấy không, cũng cà-phê, cũng thuốc lá.

Sư cười dịu dàng, rót ly cà-phê làm hai tách nhỏ. Sư nhấp một ngụm rồi thở khói. Ly cà-phê và một điếu thuốc, lúc ấy mới thú vị làm sao. Tôi nghe lòng mình thoáng êm đềm.

- Em hãy lựa đi, thứ nào mà em thích, em cần; còn một số từ điển, ngoại ngữ, kinh sách bìa da cứng, dày, tôi đã lỡ hứa cho người ta hoặc để lại thư viện chùa.

Sư nói sau một hồi im lặng. Tôi ngần ngại.

- Vậy sư ra đi thật sao? Sư đi đâu?

Sư lại trầm ngâm.

- Em hỏi chi điều đó.

Tôi nghe mình thở ra.

- Kinh, sách, tuy em thích lắm, nhưng em không lấy. Em chưa xứng đáng để nhận nó.

Sư nhìn tôi thật lâu với đôi mắt yên lặng.

- Tôi kính trọng lòng tự trọng của em nên tôi cũng không ép gì. Tùy ý em vậy.

Hôm đó, sư không chịu nói rõ lý do của sự ra đi, mặc dầu tôi đã cố ý gạn hỏi nhiều lần. Tôi man mác buồn và cảm thấy như mình sắp phải lìa xa một cái gì thật quý báu.

Đêm đó là một đêm trăng, tôi quyết định đến thăm sư. Tôi không đi ngõ trước mà tôi đi ngõ sau. Lối này phải đi quanh qua một nghĩa địa được tiếng là lắm ma, nhưng chỉ cần mở cổng thép gai bên sau là đến phòng sư

rồi. Đến giữa nghĩa địa, tôi thấy ai ngồi bất động trên chiếc mộ đen, dưới ánh trăng mờ không nom rõ hình dáng. Tôi sợ hãi định thối lui thì chợt nghe giọng ngâm thơ thâm thì phảng phất trầm buồn.

- Tử sinh bao kiếp cũng dường,

Cõi về dậm lữ mù sương nhạt nhòa

Phủ tay hạt bụi ta bà,

Nửa rơi nửa đọng la đà hiên không

Ai xưa cánh hạc thông dong,

Ngang trời để lại một dòng nước xao.

Tôi cất tiếng.

- Sư đây phải không sư? Phải sư đây không?

Hỏi xong, tôi lom lem bước tới.

- A, em đó ư? Tiếng sư thì thào như hơi gió thoảng - đi đâu mà qua ngõ này khuya vậy?

Tôi đã đứng bên sư.

- Ô! lời thơ và giọng ngâm thơ của sư sao mà buồn não nùng đến thế?

- Ừ! Mà nó cũng buồn thật!

Sư thở ra. Tôi ngừng nhìn sư. Sư ngồi kiết già bất động, phía bên trên, mặt trăng tỏa một vùng sáng dịu dàng. Một cái gì an nhiên lẫn cô liêu kinh khiếp giữa hoang địa này. Đẹp. Đẹp lạ lùng.

Rất lâu, tôi hỏi.

- Em nghe người ta bàn tán về sư nhiều, bên lề chuyện ra đi của sư đó.

Cũng rất lâu, nhà sư mới trả lời.

- Tôi yêu chân lý, em ạ. Tôi yêu vẻ đẹp, điều thiện; nhưng đồng thời tôi cũng yêu cuộc đời với tất cả cái thường tình, ti tiểu nhất của nó. Nhưng mà - Sư bỏ lửng một lúc - Cuối cùng, đức Phật cao cả hơn, huy hoàng hơn; lại quyền rũ và thúc bách tôi hơn. Ha ha... mà thôi... điều đó mà nói ra cho em biết thì chỉ có hại chứ không có lợi. Sớm quá, em còn trẻ quá...

- Sư cứ nói - Tôi nhân mạnh, giọng biểu lộ sự tự tin vô biên - Em có đọc sách, em có suy tư và nhất là em đã có sống. Em cũng đã từng khổ đau. Em mong là em sẽ hiểu phần nào từ nơi cái tâm sự bao la bát ngát ấy.

- Ha ha... có thiệt thế không? Có thiệt là người ta có thể hiểu nhau?

- Dạ không! Em nói “hiểu” theo nghĩa khác - Tôi nói với giọng thiết tha, náo nức - Cái hiểu theo nghĩa ấy là, mình tìm thấy trong người kia những điểm giống mình, và đồng thời, tìm thấy những cái khác mình. Chứ theo nghĩa vẹn toàn, toàn bộ thì không thể. Sư thấy không - Tôi đưa tay chỉ vùng mịt mù phía trước - xa lắm, xa xôi lắm, ở tận cuối một biên thù heo hút nào, không ai thấy được, không ai tới được. Mỗi người, mỗi cõi, mỗi phương - những cái hoang đảo, ốc đảo, nghi ngút và nhập nhòa khói sương. Thế thì làm sao hiểu nhau được? Thấy nhau được? Mỗi người, bao giờ vẫn cứ chờn vờn bên nhau. Chờn vờn. Chờn vờn. Phải rồi. Ở bên nhau, gần bên nhau nhưng chưa bao giờ thấy nhau. Không thể có điều đó. Và chẳng, mỗi người, mỗi vật vẫn là cái gì cá thể, cá biệt tính thế nào đó. Sự cảm thông, tương giao, là những từ cưỡng ép, không thật - chỉ nói lên sự bất lực, tuyệt vọng của ngôn ngữ loài người. Cái bất khả thể toàn. Bất khả phải không sư? Bất khả cảm thông. Đã từ lâu rồi, em không cần cảm thông. Trong từ điển của em rất ít những mỹ từ! Ở đây em chỉ muốn sư nói và em nghe, và em học. Em còn quá trẻ. Hiểu biết thì chưa bao lăm. Em cũng yêu đức Phật. Yêu nụ cười thánh thiện, bao dung, êm đềm... tất cả, tất cả... Em yêu thiên thu và chí mỹ. Em yêu sự cô liêu của đỉnh núi. Em yêu sự u tịch của thâm lâm ngàn đời heo hút. Và ở nơi sư có những điều ấy. Vậy, sư hãy nói đi, và em lắng nghe, thế thôi!

Chưa bao giờ mà tôi nói nhiều đến thế. Đêm mơ màng và yên lặng. Sư lại thở ra. Lại nhìn rất lâu vào cõi mù mịt. Tất cả hình như đang bất động. Một vì sao xẹt xuống bên sau ngôi mộ cỏ.

- Em đã có một cõi riêng - Sư nói - Và tôi cũng thế. Tôi không ngờ em đã suy tư nhiều. Lại hiểu biết quá sớm. Lại khổ thôi. Tôi cũng đau khổ, nhưng tôi không biết nói gì. Tôi yêu sự thật, yêu cái cao khiết; đồng thời, tôi

cũng yêu cuộc đời với những bất toàn của nó... Sư lại ngậm ngừ - Kiến thức tôi có hơn em, nhưng không bao nhiêu lắm. Ồ, mà nó cũng không đáng kể. Kiến thức chỉ đem đến ngã mạn, sở tri chương và đại nạn - nó không mang lại sự yên lặng, hiểu biết, tha thứ và yêu thương. Em ơi! Cũng như em vậy thôi, tôi còn cần phải học hỏi, làm học trò suốt cuộc đời, làm đũa con trần gian. Ồ, tôi muốn nói nhiều lắm mà nói không được. Tôi đã thật sự vụng về và ngọng nghịu quá lắm, xin em thứ lỗi. Xin em hãy thứ lỗi cho tôi!

Tôi cố giấu cảm xúc để giữ sự yên lặng thanh khiết này. Ôi, sao mà buồn, buồn lạ lùng. Ôi chao, cuộc đời, sao mà buồn quá thế!

- Em à - Sư lại nói tiếp - Tôi sẽ ngồi đây suốt đêm rồi ngày mai tôi đi. Có lẽ là đi xa lắm. Có lẽ là tôi sẽ đến một khu rừng già ở cao nguyên trung bộ; tôi sống với khí, vượn, với muông cầm, điều thú. Cũng có thể tôi đến một hoang đảo cô tịch, một nơi chốn không có vết chân người. Đến đó làm gì, tôi chưa biết. Nhưng tôi sẽ đến. Có lẽ là tôi đến đó để gởi tấm thân phù du huyền mộng này. Cũng có thể tôi đến đây để trở thành A-la-hán. Cũng có thể tôi đến đây để đau khổ hơn, quần quai hơn. Nhưng xin em đừng tưởng tôi chạy trốn trần gian, làm kẻ đào tẩu khốn cùng. Không. Tôi yêu cuộc đời. Và lòng tôi giàu có. Tôi cũng yêu con người quá lắm. Tôi gặp em hôm nay, ở đây, thật là hay. Em biết yêu sự chân thực, và tôi cũng thế. Trái tim chân thực của tôi hiện đang bị rướm máu. Vậy thì gặp em, tôi mừng lắm. Em hãy ngồi với tôi một lúc lâu để tôi được nhìn em qua ánh trăng. Em cũng nhìn tôi qua ánh trăng. Thế thôi! Ồ, tôi không biết nói gì! Tôi quá vụng về, xin em thứ lỗi!

Tôi muốn ôm sư và khóc. Nhưng tôi đã không khóc, tôi chỉ cầm bàn tay gầy ốm của sư mà run run. Tôi cũng không quay lại. Tôi nhìn nơi ngồi mộ cỏ đen và không thấy gì ở đó.

- Tôi yêu khoảng vắng này em ạ! Nên tôi đến ngồi đây - Giọng sư như cơn gió thì thào thoảng nhẹ bên tai - Một khoảng vắng, những nấm mồ và những người chết cô đơn. Và tôi cũng cô đơn. Có những buổi sáng, tôi không đi cổng trước mà tôi đi ngõ sau này xuống phố khát thực hoặc ta-bà men theo các thôn làng ngoại ô. Ngõ này quyen rũ tôi hơn, không biết tại sao. Nên con đường này, khoảng này đã trở nên thân thiết. Vậy tôi phải đến từ già nó, ngồi với nó một đêm. Một đêm thì chưa bao nhiêu nhưng như vậy cũng tạm đủ rồi. Trước sau gì cũng phải xa nhau.

Lại yên lặng.

Sương mù hình như đã xuống dày đặc.

- Phía này nhiều sương đêm hơn phía trước vì nhiều cây cối và gần sông, có lẽ. Sư nói tiếp như tự sự - Qua sương đêm ta sẽ thấy những cọng cỏ mềm rất đẹp, lấp lánh sương, lấp lánh trăng. Lại hiền lành. Nhất là nó hiền lành quá đỗi. Còn hoa dại thì tha hồ. Những tấm hoa li ti, cánh đỏ, cánh tím, cánh trắng... pha lẫn nhau rất lạ lùng - chúng nằm bên góc mộ không thể thấy được nếu ta không để ý. Ồ, mà nó cũng chẳng đẹp lắm đâu, thơm thì cũng không thơm lắm, đôi khi hăng hắc nữa; nhưng cái mùi hoang dã của thiên nhiên thì kỳ đặc, không thể lẫn vào đâu được. Trông chúng li ti li ti bé bỏng, hiền lành ngoan ngoãn quá. Chúng nằm hòa bình bên nhau mà không nói gì cả, không đâm đạp nhau, không xâm lăng nhau. Có những con bướm bướm, chuồn chuồn, châu chấu; những con cánh đỏ, cánh tím, cánh cam lẫn những con sâu tí hon, tuy đôi khi chúng rất hoang nghịch, nhưng tóm lại, cũng hiền lành. Tôi thường không dám đụng đến chúng kể cả một giọt sương, sợ nó tan đi. Tôi bước đi nhẹ nhẹ... nhẹ nhẹ... À, thú vị lắm! Đã có bao giờ em làm như thế chưa? Bước nhẹ nhẹ... nhẹ nhẹ rồi em sẽ lắng nghe một cảm giác êm đềm, một tinh nghịch thuở ấu thơ nào còn sót lại. Ồ, tuyệt diệu lắm. Ôi! Những sinh vật li ti và những loài hoa vô danh bé nhỏ, rồi ta sẽ xa các người!

Lại yên lặng.

Tôi như nhòa tan giữa sương mù và không còn ý thức sự hiện hữu của mình nữa.

- Phương trời nào mà cũng không có chúng - Sư nói tiếp với hơi thở ra - Đồng ý vậy rồi. Nhưng xa thì cũng phải nhớ. Không nhớ nhiều lắm đâu. Nhưng buồn buồn. Nhất là con đường này rồi ta phóng tầm mắt về phía trước, có những ngôi nhà con con, những lùm cây xanh, rặng dừa cùng chân trời xanh lơ quen thuộc. Chúng cũng hiền hòa quá đỗi. Cho nên, nghĩ là phải xa một cái gì đó là buồn rồi. Ngôi chùa, thầy tổ, đệ huynh, bằng hữu, đệ tử... tôi cũng nhớ nhưng nhớ cách khác. Tôi chưa có thì giờ để phân tích sự khác nhau này. Và lại, tôi cũng không thích phân tích lắm đâu.

Giọng nói sư ngập ngừng, đứt đoạn, trùng lặp - tôi lắng nghe như uống cả vào lòng. Say choáng váng. Buồn mênh mông.

Bây giờ thì trăng đã chênh chếch về phía Tây. Giun đé râm ran cả một vùng. Tôi nghe giọng mình nghèn nghẹn.

- Sư ra đi rồi không trở lại nữa sao?
- Hà! Ai biết được tương lai rồi sẽ ra sao!
- Người ta sẽ thêu dệt nhiều chuyện lắm đấy!
- Ủ! Cứ để tự nhiên vậy mà!
- Em sẽ không tin những điều họ nói...

-Tin, không tin; phải, không phải! Sư chợt cười khẽ - Chính tôi cũng đang ngỡ ngác về điều này đấy em ạ! Khó lắm!

Sương đã thấm lạnh trên vai. Tôi leo lên ngai bên cạnh sư, cảm thấy mình được gần gũi và được che chở. Tôi kéo cao cổ áo và ngai co mình lại.

Tôi cất giọng buồn buồn.

- Đất trời đã ngủ khuya. Em mong tất cả mọi người đều triền miên trong giấc ngủ như thế. Giấc ngủ đồng nghĩa với sự chết nhưng cũng đồng nghĩa với hòa bình. Lúc thức, con người thường làm khổ nhau - Tôi nói với niềm phẫn hận thế nào đó ở trong lòng - Cuộc đời đã không cho sư ở yên, phải không? Cái phi lý, cái buồn cười, cái ngu si, cái điên đảo, cái hợm hĩnh của con người xung quanh đã làm xót đau những trái tim chân thực, đã làm cho những tấm lòng cao đẹp bị héo quắt đi, có phải thế không sư?

Sư không trả lời, và hình như những điều tôi nói ra vừa rồi cũng thừa thãi và vô duyên làm sao!

- Hà, thôi! Em đừng nên nói đến những chuyện đó nữa. Mỗi người, cuối cùng, vẫn là những thế giới cách biệt. Những bóng ma chòn vòn, chòn vòn bên nhau mà thôi!

Tôi tranh luận.

- Đành rằng thế, nhưng phải có cái đúng, có cái sai chứ?

Sư cười nhỏ.

- Chính có đúng, có sai mới khổ đấy em ạ! Phía nào rồi cũng bị tổn thương cả, ấy mới kỳ!

- Vậy thì phải làm sao?

Tôi ngược mắt hỏi, chờ đợi.

Sư đưa tay bóp trán.

- Em đã hỏi điều quá khả năng tôi. Và chẳng, tôi cũng đang bị tổn thương, đang đau khổ. Nhưng tôi chưa nghĩ là phải giải quyết chúng!

- A! Tôi muốn la to lên - Cả hai phía đều bị tổn thương thì phải tìm cách giải quyết chúng chứ, thoát ly chúng chứ? Đau khổ đâu phải là cái gì tiên thiên? Nó phải do điều kiện sinh, hoàn cảnh sinh. Phải biến cải hoặc chuyển hóa chúng chứ?

Sư chột cười thành tiếng.

- Điều đó nói ra chẳng biết là có quá sớm đối với em không đây. Hà hà, biết nói sao, biết nói sao bây giờ nhỉ. Tôi không đến nỗi quá lúng túng hoặc bối rối lắm trước câu hỏi của em. Nhưng mà. Nhưng mà, em đừng nên nghĩ thế. Chuyển hóa hoặc biến cải hoàn cảnh, điều kiện ư? Chẳng phải. Chẳng phải thế. Em đã bị kinh sách đầu độc. Em đã sai lầm trầm trọng. Sai lầm như tôn giáo, triết học, các hệ thống tư tưởng, các chủ thuyết chính trị đã sai lầm. Ai cũng đòi biến cải, chuyển hóa, giải quyết bằng cách này hay bằng cách khác. Chiến tranh và địa ngục nằm ở đây, em biết không? Ngàn xưa là hổ thảm mà ngàn sau cũng là hổ thảm! Em đã thấy chưa? Em có biết không? Mà thôi, tôi mà nói ra thế thì tôi cũng sai lầm nốt. Nói ra là thật, dù chỉ cách một sợi tóc! Em làm gì được cho sự giác ngộ và giải thoát cho em thì cứ làm. Còn tôi thì tôi đã không làm gì từ lâu lắm rồi!

- Vậy thì làm sao để hết đau khổ?

- Ô! Sao em lại vây ngặt tôi quá thế? Từ khi tôi thấy tôi, tôi biết tôi; nghĩa là từ khi tôi có ý định ra đi, tôi đã không còn dám đề cập những vấn đề tương tự. Nó quá trọng đại so với khả năng tôi. Giảng dạy cho người ta, tôi cũng không dám nữa. Vì biết đâu, sau này tôi sẽ nói khác? Em có tin như vậy không? Và em có thấy rằng, mình là một cái gì vô cùng bé nhỏ mà cũng vô cùng phức tạp. Chẳng có công thức, đáp số nào khả dĩ giải mã cho hàng triệu trái tim và khối óc riêng lẻ ấy... Ôi! thật là vô cùng riêng lẻ...

Tôi bản thân nghĩ ngợi. Có lẽ không phải sư không biết, mà sư cố lấp lửng vấn đề, do khiêm tốn, do tâm sự riêng tư? Hoặc, vấn đề là ở chỗ lấp lửng, chỗ không nói được đó chăng?

- Tại sao sư lại ra đi? Tôi lại cố bới tìm, như con gà với cái đồng rác của hấn - Và cả nỗi buồn mênh mông của sư nữa?

- Hà, hà! Sư hình như cười nho nhỏ trong bóng tối nhạt nhem của trăng khuya - Em muốn bắt bí tôi đấy mà! Nếu tôi trả lời là tôi không biết rõ?

Tôi im lặng. Chịu. Rồi lại cố tìm căn nguyên.

- Có lẽ sư nói giỡn chăng?

- Hà, nếu tôi nói tôi bị chùa đuổi?

- Em không tin.

- Vì tôi không sống nổi nơi đây?

- Em cũng không tin!

- Thấy chưa! Sư cười khẽ - Cả mấy lý do mà em đều không tin thì làm sao em tin vào những lý do khác?

- Đấy mới chỉ là “nếu” - Tôi cũng cười - có lý do nào mà không “nếu” kia!

- Thôi được - Sư gật đầu - Tôi sẽ giả thiết thêm, có lẽ vì dòng máu du mục hoặc là dòng máu khát sĩ lang thang đã ăn sâu trong tôi từ nhiều kiếp chăng?

- Không phải - Tôi lắc đầu - Ở đây phảng phất cái gì như trời trần, như vĩnh biệt.

- Có lẽ vì tôi không kham nhẫn nỗi khổ đau ở nơi này!

- Sư dư sức. Và biết đâu ra đi lại khổ đau hơn!

- Năm sáu lý do rồi đấy nhé; thêm một lý do nữa: Tôi là kẻ đào tẩu hoàn cảnh.



- Lại càng không phải nữa.

- Thế là hết, những lý do của riêng tôi! Còn em, em nghi tôi vì những lý do nào?

- Em mù tịt - Tôi lắc đầu - Nhưng có thể vì sở đắc, vì thành tựu phạm hạnh chăng?

- Ô! Các pháp đều như ảnh, như bóng, như điện chớp, như giấc chiêm bao, như mộng, như huyễn - thì có gì mà sở đắc, thành tựu được hở em!

- Luyện tâm, luyện thần thông, có thể như vậy chăng?

- Tôi không có ý chí kiên định để làm việc đó.

- Ra đi để người khác khỏi bức bối, khó chịu về mình.

- Tôi chưa cao thượng được như em nghĩ.

- Hoặc ưa sống đời tịch tịch, cô đơn.

- Tôi thì chưa bao giờ xa rời tịch tịch cô đơn; vả lại, ở đâu cũng có thể tìm kiếm chúng được cả!

- Trời ơi! Tôi la lên - Sao mà con người sư nó bí hiểm đến thế? Cả mười mấy lý do đều sai cả sao?

Sư cười một tiếng ngắn.

- A, em nhớ lại coi, sai là từ mà em dùng chứ không phải tôi đấy nhé! Tôi nói cách khác.

- Kỳ lạ không? Tôi như chợt khám phá ra - Thế là cả mười mấy điều trên đều đúng cả sao?

Sư nói chậm rãi.

- Hóa ra, trong óc em, chỉ có cái đúng, cái sai - chứ không có cái gì khác nữa sao?

Đến đây thì tôi hoàn toàn ngỡ ngác.

Sư im lặng hồi lâu rồi cất tiếng lớn.

- Đây có lẽ là điều cuối cùng đáng nói với em, hỡi người em thương mến! Cuộc đời này, tất cả những vấn đề như lẽ thật, sự thật, cái đẹp, điều thiện hoặc bất kỳ cái gì khác - bất kỳ cái gì tôn quý như đạo đức, các giá trị tinh thần thiêng liêng; cho chí những vấn đề rất đỗi tầm thường, bình thường trong tương quan với đời sống dung tục, với nội tâm con người - không thể nói được đâu em, không nói được cái gì cả! Chúng thường không ở trong phạm trù hạn hẹp của cái đúng, cái sai đơn giản ấy đâu - em hãy nhớ lấy!

Phương đông đã hùng sáng từ bao giờ. Sư khẽ ngược mắt nhìn lên rồi đứng dậy. Dáng chệnh vênh giữa trời. Một lúc, sư bước xuống mộ, mang xách và bát lên vai rồi nắm tay tôi.

- Câu chuyện chấm dứt ngang đây là vừa phải, không sớm quá, không muộn quá. Sáng nay trời đầy đặc cả sương mù. Thôi, tôi đi nhé!

Nói xong, nhà sư nhìn tôi khá lâu, mỉm cười dịu dàng, khẽ vỗ lên vai tôi rồi bước đi, đi thẳng không hề quay lại...

Trên con đường nghĩa địa, sớm mai đó, dáng dấp một sa-môn chậm rãi bước đi, xa dần, nhỏ dần... rồi nhòa tan vào sương mù phía trước. Hình ảnh ấy, một lần thôi mà mấy chục năm sau trong tâm tôi vẫn còn hiện rõ.

---o0o---

## 5. TRÀM LUÂN LỤC TỬ

Khách là một đại hán vạm vỡ, vận chiếc trường bào màu xám tro, nước da đen sạm; ngựa là một loại *thiên lý câu* sắc hung sẫm, bờm cao, bụng thon, lưng dài. Cả hai hình như đã vượt qua hàng ngàn dặm đường nên khi đến địa phận Trấn ma lâm, vó gỗ trên mặt dốc sỏi không còn ngon trơn nữa mà chậm dần, chậm lại dần... Đến góc núi, bỏ đường lớn, người và ngựa thong thả nước kiệu qua ngọn đồi tràm và thông mọc thưa thưa chen lẫn đá hoa cương và đá tổ ong.

Khách và ngựa nhuốm đầy bụi đường, nắng gió và mồ hôi. Trên dặm mù thiên lý đến đây, đại hán đã giao đầu hàng chục trận với những hiệp khách bí mật, tự xưng là sứ giả của Phật môn. Họ không biết là bao nhiêu người, có ngoại hiệu là *Tràm luân Tam tử Sát ác nhân*, *Tràm luân Ngũ tử Đoạn trần lao*... Họ quả là xuất thân nhập quý, thiên mưu bách kế, võ công

xảo diệu khôn lường... Thật khó đoán nổi ý đồ của họ. Đường như họ chỉ ngăn chặn, trở lộng thần oai cốt để cho đại hán cùn nhụt ý chí, bỏ ý định tìm kiếm kho tàng trên đất Phật mà thôi.

“- Hừm!” - Đại hán cười gằn - “*Để gì mà cùn nhụt được ý chí của dũng sĩ Hồ Bắc ta đã chứ!*”

Cẩn trọng nhìn quanh, đôi mắt đại hán thoáng lay động sau hàng chân mày rậm rịt, chiếc nón rộng vành cắt một khoảng trời xanh lơ...

Bây giờ thì khách và ngựa đã dừng chân lại bên tàn cây xanh phủ rộng che khuất cả một khoảng suối. Đại hán bỏ nón, quán cương, chậm rãi leo xuống yên rồi vỗ nhẹ trên bõm ngựa ra chiều thân thiết. Ngựa cất tiếng hí dài, hai chân trước vỗ lộp độp xuống đất làm bắn tung tóe những viên sỏi nghe xào xạo.

Vàng kim ô đã bắt đầu ngã xé, núi rừng về chiều trông thật hoang quanh.

Đại hán leo lên một tảng đá cao nhìn theo con đường mòn nhỏ nối liền cây cầu khỉ bắc ngang suối. Nhìn xa hơn nữa thì thấy một con đường đứt quãng hoặc chìm khuất nhiều nơi - nhưng cũng dẫn đến một chiếc thảo lư ẩn mình sau lùm cây rậm. Phía chính Nam, cách chiếc thảo lư khoảng mười trượng là một phiến đá to bản, nhẵn thín, dựng đứng cao ngất - có lẽ là từ màu trắng sữa đã ngả màu rêu than - nhưng cũng nổi bật ba chữ đại tự màu tử mặc: *Vô quy am* với nét hành thảo sắc mạnh như những nhát kiếm. *Một bụi trúc vàng như được mọc ra từ chân tượng đá vươn cao lên nền trời, phát phơ nhip hàng xuống lên như quệt vào hư không ngàn đời những nét chữ vô hình, mềm mại...*

“-*Đây rồi!*”

Đại hán nói nhỏ lầm thầm, đôi mắt sáng rực lên rồi lần tay vào áo lôi ra một cuộn giấy da dê đã cũ vàng trải bên chân. Ở đó lơ mờ một bức tranh nom mừng tượng khung cảnh này: *Dòng suối, con đường, phiến đá trắng dựng thẳng cùng chiếc thảo lư*. Ngoài ra còn rất nhiều chữ nhỏ chi chít, mũi tên đỏ, đen lẫn những khoanh tròn và khoanh vuông... Đây là bản đồ kho tàng của Phật môn - mà khó khăn lắm đại hán mới tranh đoạt được giữa chốn giang hồ.

Sau thời gian chùng mấy tuần trà chăm chú nghiên cứu bản đồ, thốt nhiên, bóng đại hán loang loáng nhảy qua tảng đá phía chính Bắc, tay phải vỗ nhẹ lên bắp đùi, phi thân lên một tảng đá cao. Một lát, rời tảng đá cao, bước xuống đất, đại hán bước qua trái chín bộ, bước qua phải mười tám bộ, bước tới hai bộ rồi ngừng lại. Ngồi xuống trước hai tấm đá hoa cương xếp chồng lên nhau, đại hán thò tay định nhấc lên... nhưng nghĩ sao, y dừng lại, đứng lên, ngó dáo dác xung quanh. Đại hán đứng rất lâu, dáng dấp to lớn, mảnh áo bào phát phới nom kiêu dũng với khí thế trùm trời đất. Nhìn lại một lượt nữa *cây cầu khỉ, con đường, phiến đá trắng dựng đứng cao ngất, chiếc thảo lư, bụi trúc vàng...* đại hán miệng làm thảm, hai ngón tay không ngớt vạch, chỉ, đánh những con số. Lâu lắm, y gật gật đầu, vò tấm giấy da dê, mồi rác khô châm lửa đốt, trên môi thoảng nụ cười đắc ý.

Con ngựa bên gốc cây thỉnh linh hí vang lên. Đại hán đảo người rồi quăng mình đi như sức bật của một mũi tên. Thế là chỉ trong nháy mắt, y đã trở về chỗ ngựa, chiếc mặt nạ che mặt không biết đã đeo lên lúc nào; thanh kiếm nhỏ và mỏng như lá mía, chẳng biết ở đâu cũng đã rút ra khỏi vỏ tự bao giờ! Mũi kiếm lay động không ngớt, đang trở thẳng vào yết hầu một *Lam y dị khách* đang nằm ngủ khoèo ở đây!

Con ngựa vẫn thản nhiên gặm cỏ. Núi rừng hoang hân điểm những tiếng chim hót lẻ loi.

Đại hán chăm chú quan sát *Lam y dị khách* một hồi rồi cất giọng ồm ồm, giọng từng tiếng một, chấn động cả khu rừng:

- *Trầm luân tử!* Phải ngươi đây không? Đừng ngủ nữa, dậy đi thôi!

Tiếng ngáy phì phò hình như lớn hơn để đáp lại, cũng vang dội không ngớt!

- *Trầm luân tử!* Ta hỏi lại, ngươi là *Trầm luân* thứ mấy?

*Lam y dị khách* trở mình, tay với bầu rượu ở bên lưng, rồi xoắn dài chân tay ra, ngáy nữa!

- Ngon lắm - Đại hán cười gằn - Ngươi có phải là *Trầm luân Tam tử* không? Đây là lần thứ ba, ta hỏi lại theo phép lịch sự giang hồ, bằng không...

Đại hán vừa nói xong thì một giọng cười ròn rảng từ bên kia suối vọng qua, rồi có tiếng nói như lệnh võ:

- Dũng sĩ Hồ Bắc! Ta đây mới chính là *Trâm luân Tam tử! Trâm luân Tam tử Sát ác nhân* chính thị là ta đây!

Đại hán giật thót mình, quát lên một tiếng, thân hình đã bay là đà qua suối. Khi hết đà, y dùng chân phải đạp lên chân trái, người lại lao vụt đi. Khe rộng hơn năm trượng, thế mà chỉ ba lần hụp xuống, nhô lên, y đã khoanh tay đứng trên một mô đất cao bên kia suối, tà áo phất phơ theo chiều gió lộng.

Người lạ cười hăng hắc:

- Hay lắm! Đẹp lắm! Cái thế *Vân long tam hiện* mà nhà ngươi sử dụng được như thế thì quả là ngoạn mục! Nhưng mà này, dũng sĩ Hồ Bắc! Sao ta không thấy mây, cũng chẳng thấy rồng - chỉ thấy rắn bò qua suối, rắn trườn qua suối... vậy ha? Buồn cười thật, buồn cười thật!

- Phường cầu trệ! Đại hán quát to - Nếu là khách anh hùng thì hãy đường đường chính chính ra đây cùng ta ba trăm chiêu cho rõ tài cao thấp!

- Đâu nhiều thế! Đâu nhiều thế! Giọng nói bây giờ dường như đã gần lắm - Coi đây, đỡ!

Đôi mắt đại hán sáng như sao đêm, tai như mở ra đã đến độ chót, lắng nghe và ghi nhận hết mọi động tịnh trong khuôn vi mười trượng. Khi giọng nói của khách lạ vừa dứt thì một làn gió bất thường nổi lên sau lưng. Đại hán nghe lạnh gáy. Y loang kiếm ra sau, vừa đúng lúc để đánh một vật to đang lao tới như luồng sao xẹt. Những làn kiếm bạc như hàng trăm con bạch xà chao lượn nô giỡn ở xung quanh. Có tiếng rách như lụa xé và những mảnh vụn gì đó bay lá tả. Định thần nhìn kỹ, đại hán mới biết đây là chiếc nón rộng vành mà y đã để lại bên kia bờ suối!

- Hảo kiếm pháp! Hảo kiếm pháp! Khách lạ cười ha ha hi hi - Từ lâu ta đã nghe danh dũng sĩ Hồ Bắc người là Nhất kiếm Trấn bắc phương! Quả là danh bất hư truyền! Hôm nay ta đã được mở rộng tầm con mắt! Phải lắm! Tiếng đồn quả không ngoa: *Nhất kiếm chém nón mình! Nhất kiếm chém nón mình!*

Đại hán tức giận tràn hông, hét lên một tiếng như muốn bật máu tươi, hàm răng cắn chặt lại, bộ râu quai nón rậm rạp hình như đều dựng ngược cả lên, đôi mắt tròn tròng, trắng dã! Gần ba mươi năm xuôi ngược giang hồ, chưa một lần nào y bị hạ nhục như thế, khí tức không biết trút vào đâu. Vì, trước sau, kẻ lạ mặt vẫn không thấy tăm bóng, chỉ có tiếng cười hì hì, ha ha, hả hả khi ngược, khi xuôi, khi Nam, khi Bắc, khi gần, khi xa mà thôi!

Bây giờ thì rõ ràng giọng nói đã ở bên kia bờ đối diện.

- Dững sĩ Hồ Bắc! Lão phu đã vô lễ vượt râu hùm! Nhưng ở đâu có giang sơn này, rừng nào có hổ này, xin người thông cảm! Suốt cả mạn Bắc mênh mông, người tung hoành bá chủ chưa đủ sao - lại còn hăm he lòng sục kho tàng Phật môn ở Nam phương này nữa? Người nên nhớ... đây là thánh địa *Trần ma lâm*! Kẻ nào hồng hách, ngang tàng, coi thế gian như cỏ rác - thì sẽ “thân bại danh liệt” ở đất này!

Đại hán cất tiếng đáp:

- *Trầm luân Tam tử!* Ta đã nghe ra giọng nói của người rồi. Nhưng hãy ra đây cùng ta tương kiến chứ?

- Xin lỗi! Xin lỗi! Lão phu vì nghe được mùi giầy da dê bị đốt khét lẹt ở đâu đây. Hóa ra dững sĩ Hồ Bắc người đã tìm ra được bản đồ kho báu rồi. Do vậy, lão phu cần ở trong bóng tối để giám thị hành động của người đã... vì đây là *Trần ma lâm* - người phải hiểu như thế!

- *Trần ma lâm!* Hay dữ a! Đại hán cười hắc hắc - Đừng đem cái tên ấy ra mà dọa ta. Ví phỏng ta không phải là *ma*? Mà thật sự ta sẽ đem đến tự do, bình đẳng, hạnh phúc cho muôn sinh?

- Khéo nói, khéo nói! *Ma Phật, Phật ma, pha mật!* Phải rồi, cứ *pha mật* vào cho thật nhiều thì cái gì cũng trở nên ngọt ngào hết trơn hết trọi! Phải rồi, phương tiện biện minh cho cứu cánh. Lão phu biết rõ nhà người đeo mang, khuôn vác bên mình rất nhiều nhãn hiệu, rất nhiều nhân danh tốt đẹp, nhiều mỹ từ bóng lộn và cao quý... Nhưng mà trên đường nhà người đi qua, biết bao nhiêu là máu tanh và mật ngọt được trộn lẫn! Kiến, ruồi, hương, trầm, hoa và cả quạ, kên kên nữa! Dưới gót ngựa mà nhà người đã đi qua - đã dẫm lên biết bao nhiêu điện đài và thánh tượng thiêng liêng? Có phải thế không, dững sĩ Hồ Bắc? Dầu nhà người có nói ngọt, nói hay, có tuyên truyền, quảng cáo tếu táo, gian manh, quỷ quyệt, trơ tráo thế nào đó... thì nhà người cũng chỉ làm tên chó săn cho ngoại bang, một tay dê tiện bán

nước cầu vinh mà thôi! Ôi! Rêu rao danh nghĩa, anh hùng cho lắm - thì cuối đời cũng chỉ còn là một nắm cốt hôi!

Đại hán cất giọng trầm tĩnh:

- Cảm ơn nhà ngươi, *Trâm luân Tam tử!* Nói tếu nói táo như vậy mà đã mở miệng chưa? Bây giờ chuẩn bị rút kiếm ra đi!

- Khá lắm! Đỡm lược lắm! Đến nước này mà nhà ngươi vẫn còn giữ được phong độ, cốt cách của một dũng sĩ, không thẹn mặt chút nào! Nhưng mà hãy để ý nhé, ở đây là...

- *Trần Ma Lâm!* Ta biết rồi!

Đại hán cười lạt nói.

Có giọng cười hề hề rồi có tiếng đáp:

- Nhưng còn hơn thế nữa, bên kia còn có cái gọi là *Vô... quy...*

- *Vô quy am?*

- Phải rồi! Nhưng không chỉ có thế! Nó là: "*Vô quy, khách vô quy. Mã đề bất khả phi...*" Thôi, lão phu xin kiêu nghen!

Đại hán cắn chặt môi lại, quay lưng nhìn *chiếc thảo lưu... có tảng đá trắng dựng thẳng, những cành trúc mềm phơ nhịp nhàng như quét vào hư không ngàn đời những nét chữ vô hình, mềm mại...*

Tiếng cười dài của hiệp khách bí mật đã loãng ra xa, nhưng như còn vương vương ở đâu đó mãi tận cuối chân trời mù mịt...

Đại hán trở lại gốc cây thì *Lam y dị khách* và ngựa đã không còn ở đây nữa. Một mảnh giấy còn để lại, găm lên thân cây bởi một chiếc lá sắc nhọn. Đại hán rùng mình, nghĩ thầm: Với công lực mà dùng chiếc lá để ghim giấy vào thân cây như thế này thì ta mới thấy lần thứ nhất ở trong đời! Bất giác, đại hán đưa mắt nhìn qua vùng trời Nam phương - thì chỉ thấy những dãy núi chập chùng, có những đỉnh nhọn cao tít tận mây xanh... và, mây bay bàng bạc với những cánh chim chập choạng ngàn đời cô lữ! Đại hán chợt nhớ đến câu thơ của Lý Bạch nói về sự khó khăn khi qua đất Thục. Đại lược là: "*Đường vào Thục khó hơn đường lên trời. Phía tây núi Thái Bạch mới có*

*đường để chim bay sang đỉnh Nga Mi - còn con người thì không thể!”* Ô!  
Đường về Nam cũng vậy nào có khác chi? Nhưng ở đây còn có cả những  
cạm bẫy vô hình, ẩn mặt, có thể là: *Một cành trúc mềm phát phơ trong gió  
như quệt vào hư không những nét chữ ngàn đời; là một phiến đá trắng dựng  
thẳng đã rêu than, nổi bật lên ba chữ đại tự Vô quy am như vệt đao chém!*

Nghĩ đến ngang đây, đại hán lại rùng mình. Lâu lắm, đại hán cúi xuống  
nhìn mảnh giấy cứ cầm mãi trong tay mà chưa chịu đọc.

*“- Vô quy, khách vô quy*

*Mã đề bất khả phi*

*Ngộ phùng thiên địa tuyệt*

*Quy hà? Quy hà vi?”*

Nét chữ nguyệt ngọc, đại hán không lưu ý tới, mà chỉ để tâm nơi ý  
nghĩa hàm súc khó nắm bắt, khó hiểu. *Thiên địa tuyệt, thiên lộ tuyệt, sơn khe  
tuyệt... đều có ý nghĩa bị vây khốn cả! Vô quy, không về; nhưng mà quy hà,  
về thế nào, về đâu? Quy hà vi, về làm sao, về đâu làm chi?...* Đại hán đứng  
xuất thần như vậy rất lâu, lâu lắm...

- Thúc thúc bị lạc đường hay sao mà đứng một mình ngơ ngẩn giữa núi  
rừng như thế?

Một chú tiểu tóc còn để chỏm, gùi trên vai và chiếc gậy cầm tay - nước  
da hồng hào, đôi mắt tròn, to và đen, vận sơ sài một chiếc bào màu vàng  
khói đã vá đùm, vá đụp nhiều chỗ - ở đâu đó xuất hiện, nhìn y ra chiều quan  
tâm, han hỏi. Đại hán đỏ mồ hôi đầm dề. Bình thường, một chiếc lá rơi cách  
mười trượng y cũng còn nghe được - nhưng sao tên tiểu sư phụ này đến cạnh  
bên lưng từ bao giờ mà y không hề hay biết?

Như chim sợ cung, đại hán đề khí nhảy vọt ra xa.

- Con gì vậy? Chú tiểu sốt sắng hỏi - Rắn, rít hay bò cạp cắn thúc thúc  
chăng? Không sao đâu, tiểu tăng là thầy thuốc mà!

Chú tiểu cười gùi. Đứng quan sát, nhìn ngắm chỗ này chỗ kia một hồi,  
cúi xuống, tay vốc đất, nơi này một ít, nơi kia một ít, ngửi ngửi - rồi cười  
ngón ngoèn lộ hàm răng trắng ngà.



- Không phải rắn, không có rắn, rít và bò cạp cũng không. Nhưng mà lại có mùi nước tiểu ngựa - mà ngựa này phải là ngựa miền Bắc, một loại ngựa quý có thể nhịn uống nước cả ngày và sức lại dai như thần mã! À, còn nữa! Dưới gốc cây này lại còn có mùi rượu trộn lẫn mùi mồ hôi của một khách đường xa. Thúc thúc vừa ngủ ở đây chẳng? A! Sao thế? Thúc thúc làm sao thế?

Chú tiểu nói huyền thuyên. Đại hán càng lúc càng kinh dị, chòng chọc nhìn vào mọi cử chỉ động tịnh của chú tiểu. Bàn chân vô tình của chú tiểu bước tới thì bàn chân cố tình của đại hán bước lui! Cứ thế nửa khắc thời gian qua đi.

Đại hán dè dặt hỏi:

- Tiểu sư phụ hãy dừng chân lại cho ta được hỏi.

- Thúc thúc vì sao mà cứ thụt lùi mãi như thế? Có con gì cản đâu!

Cả hai đã giữ nguyên khoảng cách.

- Tiểu sư phụ là ai? Đại hán rất căng thẳng, cẩn thận đề phòng - Lại đi đâu vào giờ này?

Chú tiểu cười:

- Là ai ư? Tiểu tăng làm sao mà biết cho được! Cái đó khó nói. Nhưng có điều rõ ràng và cụ thể hiện tiền là, tiểu tăng vừa đi hái thuốc về, đầy cả một gùi đó, thúc thúc không thấy sao?

Chú tiểu vừa nói vừa đi tới bên gùi, tay chỉ, miệng nói lao thao:

- Hôm nay, đặc biệt, tiểu tăng chỉ đi kiếm thuốc độc mà thôi! Trên núi có, dưới nội có. À, để tiểu tăng kê tên các loại cây độc cho thúc thúc nghe. Nào là *trấu ne*, *sở ne*, *hồi núi nè*, *huong bài nè*, *chẹo nè*, *hột mát nè*, *ngọt nghẹo nè*... Ối dào, thứ nào cũng đầy mình chất độc cả. Nhưng không sao. Tiểu tăng sẽ chế thuốc độc, biến độc dược thành lương dược để tế độ chúng sanh. Trong Phật môn có một thuật ngữ là *chuyển y*, *chuyển mà y*, *y mà chuyển* - cái đó mới nhiệm màu! Chuyển tất cả. Chuyển ba độc tham sân si thành bi dũng và trí, chuyển xấu ra tốt, chuyển mê thành ngộ. Cái gì cũng chuyển sạch trơn, hết ráo trội vậy!

Chú tiểu nói liến thoắng không ngừng. Đại hán đứng bất động, chân mày nhíu lại.

- Bình thường tiểu tăng vẫn đi hái thuốc về muện như vậy mà! Chú tiểu đưa tay chỉ lên dãy núi xanh xa mờ mờ sương khói rồi tiếp - Thúc thúc thử nhìn coi! Tiểu tăng phải đi từ thung lũng *Phù sa cương* kia, bò qua *Bát sơn đạo*, lên đến *Nhất trấn đế*. Lên đó rồi còn phải xuống nữa chứ! Dẫu là thượng đế, hoàng đế, vương đế, chân đế, thánh đế... cũng không thềm ở lâu trên làm chi! Thế nghĩa là phải đi xuống. Nhưng mà xuống thì phải xuống như thế nào? Chẳng lẽ đi theo lối cũ mòn quen thuộc? Thế có nghĩa là phải đi theo con đường mới, lối khác. Xuống lối khác nghĩa là phải đi qua *Lục trần lâm*, không qua *Lục trần lâm* không được! Từ *Lục trần lâm* tiểu tăng phải vất vả dẫm qua thung lũng *Trọng địa hoặc*. Bỏ *Trọng địa hoặc*, men theo lùm bụi gai góc mới xuống được đây - tức là cửa ngõ vào *Trần ma lâm* vậy.

Chú tiểu đã ngưng nói. Đại hán càng lúc trán càng nhăn tít, thầm nghĩ: Những cái tên như *Phù sa cương*, *Bát sơn đạo*, *Nhất trấn đế*, *Lục trần lâm*, *Trọng địa hoặc* kia - có ẩn ý gì, cảnh cáo ta điều gì? *Trần ma lâm* đã có nghĩa - thì những địa danh khó hiểu kia không phải là vô tình đâu!

Đại hán hỏi:

- Thế tiểu sư phụ ở đâu?

- Trời ơi! Chú tiểu dang hai tay ra - Phật ôi! Thúc thúc hỏi thế thì khó trả lời quá đi! Ở đâu? Biết đâu ở? Mà ở đâu lại không được? Đâu lại không được ở?

Đại hán đã tức giận:

- Mà quả thật, có phải tiểu sư phụ đi hái thuốc không?

- Phật ôi! Hồi xưa hồi xưa kia, cái ông Vương Duy đã ngó ngàng nói rằng: *Chỉ tại thử sơn trung, vân thâm bất tri xứ! (Ở tại núi này thôi, mây dày không thấy lối)* Chứ ở đây, thúc thúc và tiểu tăng, núi non và gùi thuốc - có gì đến nỗi mà thúc thúc nhìn không ra, không thấy, lại hỏi phải và không phải!

Một chiếc bóng nháng lên. Chú tiểu vừa thấy loáng mắt một cái là cô tay mình đã bị nắm chặt. Hoảng quá, chú la lên:

- Thúc thúc làm gì vậy? Thả ra! Thả ra!

Đại hán cười lạnh:

- Bây giờ tiểu sư phụ phải khai thật - *Trầm luân Lục tử* là gì của tiểu sư phụ?

Chú tiểu cười ha hả:

- Hay, hay lắm! Thúc thúc hỏi hay lắm! Hồi nào hồi nào tới giờ tiểu tăng chưa thấy ai hỏi đạo cao siêu và ý vị như thúc thúc. Được rồi, tiểu tăng sẽ trả lời, nếu có gì sai thì thúc thúc sửa sai cho tiểu tăng nghe!

Nghĩ giây lát, chú tiểu nói:

- Tiểu tăng xuất gia từ lúc bảy tuổi. Năm nay là mười lăm tuổi. Vì si mê ám độn, ba đời nghiệp chướng dày sâu nên sư phụ chưa cho học kinh mà chỉ cho học thuốc, đây là cái nghề có thể tích lũy phước đức. Cái đó gọi là... *có công có quả mới không ngả tay chèo!* Chèo đi đâu? Dĩ nhiên là chèo qua bờ kia, giắc ngạn, bị ngạn đó! Hoặc là người ta cũng nói: *Có thực lực mới vực được đạo!* Thì in rằng cùng một nghĩa như nhau. Còn về những giáo pháp thâm sâu thì sư phụ chưa cho tiểu tăng mò tới, chỉ học trộm trộm năm câu bảy chữ chi đó mà thôi. Mà ối dào, Phật ôi! chỉ có năm câu bảy chữ mà cũng còn chữ nhớ, chữ quên mới tội nghiệp chứ!

Đại hán dường như không còn kiên nhẫn được:

- Thôi, nói lẹ lên, trời tối rồi!

- Vâng ạ! Để tiểu tăng nói, tiểu tăng nói ngay đây mà! Bọn quân tử Nho kia mà còn nói được: *Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy* - huống hồ gì tiểu tăng là Phật cháu, Phật con - có bao giờ dám nuốt lời. Bây giờ tiểu tăng vào chính đề đây. *Trầm luân Lục tử* ư? *Trầm luân Lục tử* là tiểu tăng - mà tiểu tăng cũng chính là *Trầm luân Lục tử*. Phải mà không. Không mà phải. Nói ngược, nói xuôi gì cũng được cả. Nói một nói hai gì cũng đúng ráo trội cả. Nhưng có điều... có điều...

- Có điều sao? Đại hán gắt.

- Vâng! Có điều... ngoài tiểu tăng không có *Trầm luân Lục tử*, ngoài *Trầm luân Lục tử* không có tiểu tăng! Mà eo ôi! Khi tuệ quán chiếu

được mở ra - thì trong *Trầm luân Lục tử* chẳng có cái mốc xì nào là tiểu tăng cả mới chết chứ!

- Đừng nói quanh! Ta hỏi một lần chót, *Trầm luân Lục tử* là ai?

Đền phiên chú tiểu ngạc nhiên:

- Đừng nói giỡn! Thúc thúc đừng nói giỡn với tiểu tăng như vậy chứ! Ai lại bôn cọt với kẻ tu hành, tội chết!

- Không có nói giỡn! Khuôn mặt đại hán đã thoáng nét cay độc - Tiểu sư phụ phải nói cho rõ: Y có trong am không?

Chú tiểu ngẩn người ra:

- Trong am ư? Trong am thì có biết bao nhiêu là *Trầm luân Lục tử*. Mỗi *Trầm luân Lục tử* đều giống nhau y hệt - nhưng mà lại khác nhau tốt lút. Chẳng cha nào giống cha nào, chẳng mèo nào giống miu nào! Ngay ở đây cũng đang có hai *Trầm luân Lục tử* - to và nhỏ, không to không nhỏ, chẳng bằng và chẳng cái không bằng! Eo ôi! Khó nói!

- Đâu? Đâu? *Trầm luân Lục tử* đâu? Ra đây! Thốt nhiên, y hét lớn - Ra đây! *Trầm luân Lục tử*! Hãy cùng ta ba trăm chiêu cho rõ tài cao thấp, chứ đừng ngáp nghé trong bóng tối như phường chuột nhắt, chuột cống, chuột chù, chuột hôi... như thế!

Đại hán đã buông hồ khẩu tay chú tiểu, nhảy ra xa. Núi rừng vẫn không tăm vọng.

Chú tiểu lầm bầm trong miệng:

- Chết cha rồi! Cái ông đại hán to lớn, đen đúa và dữ dằn như ông Trương Phi này bị “*tẩu hỏa nhập ma*” rồi. Cho đến trong ông ta cũng có một *Trầm luân Lục tử* mà không hay, không biết - lại đi thách chiến với những ông *Trầm luân Lục tử* nào ở bên ngoài!

- Tiểu sư phụ làm thăm cái gì đó?

- Tiểu tăng nói là, trong thúc thúc cũng có một *Trầm luân Lục tử* đó!

Đại hán chột bật cười ròn rảng:

- Trong ta ư? Đâu? Tiểu sư phụ chỉ cho ta coi thử xem nào!

Chú tiểu chột trang nghiêm, cất giọng đều đều như trả bài:

- *Nhãn căn đưng sắc trần phát sanh nhãn thức. Nhĩ căn đưng thanh trần phát sanh nhĩ thức. Tỷ căn đưng hương trần phát sanh tỷ thức. Thiệt căn đưng vị trần phát sanh thiệt thức. Thân căn đưng xúc trần phát sanh thân thức. Ý căn đưng pháp trần phát sanh ý thức. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức là duyên cho điên đảo, đầu mối của điên đảo - nên còn được gọi là Trâm luân Lục tặc! Lục tặc hay Lục tử cũng đều trâm luân như nhau. Vì ái trước, mê chấp, đắm say trong thế giới lục trần ấy nên chúng sanh đã lang thang vô định trong ba cõi sáu đường. Ấy gọi là sinh tử quần quanh. Ấy gọi là luân hồi xuôi ngược. Muốn chấm dứt khổ đau sinh tử thì phải làm sao chuyển hóa, giáo dục cho cái bọn Trâm luân Lục tặc ấy trở nên người tốt, người hiền - đừng có trâm luân làm chuyện đạo tặc, nghịch tặc nữa - nghĩa là biến thành cái dụng đại từ, đại bi để đem lại hạnh phúc và an vui cho mình và người, cho chư thiên và nhân loại. Xin hết!*

Nói xong, chú tiểu đứng nghiêm. Đại hán ngăn người ra - y không còn biết nói gì nữa, hỏi gì nữa!

Đêm đã buông xuống rồi!

---o0o---

## 6. BỨC TRANH THAY ĐỔI THẾ GIỚI

Họ là đôi bạn thân kể từ thời còn học ở đại học *Sorbonne*, sau đó, cùng chọn chuyên ngành khảo cổ học. *Jabindu*, người *Népal*; *Robinson*, người Mỹ. Thời trẻ, cả hai đều say mê công việc khô khan và vất vả của mình. Dấu chân của đôi bạn đã dẫm khắp những di tích lịch sử ở hai bờ sông *Nile*, sông Hằng, Trung Á, Con-đường-tơ-lụa và cả Nam Mỹ...

Họ thuộc hai nền văn hóa khác nhau. *Jabindu* yêu những dãy núi băng giá sừng sững như muốn thi gan với trời đất; yêu đàn trâu *Yark* lang thang trên đồng cỏ; yêu thiên nhiên hoang sơ chưa có bàn tay con người uốn nắn, cải tạo; yêu con đường mòn nhỏ quanh co cùng những mái lá bình dị, xanh xanh khói bếp thanh bình; yêu những câu ca, điệu hát hồn nhiên, vô tư của các cô gái từ các nương rẫy và đồng quê yên ả... *Robinson* thì khác thế. Ông ta yêu những phòng nghiên cứu tối tân có đầy đủ dụng cụ khoa học hiện đại; yêu những siêu thị mát mẻ, bóng lộn, phong phú, đáp ứng đủ mọi nhu cầu

thiết thân của đời sống; yêu những đại lộ thênh thang, những cao ốc chọc trời và những quy hoạch vườn cảnh sạch đẹp, phẳng phiu, ngay hàng thẳng lối; yêu những tiện nghi ăn, ở, mặc; những bảo hiểm và an toàn về y tế, ngân hàng, nhân thọ...

Chẳng rõ nhân duyên hoặc do suy nghĩ thế nào, đột nhiên, *Jabindu* từ bỏ gia đình, bằng hữu, từ bỏ sự nghiệp nửa chừng, từ bỏ phố thị và phòng nghiên cứu rồi mất tích nhiều năm trong những dãy núi hùng vĩ ở *Himalaya*. Còn *Robinson* thì vẫn đắm chìm, mê man giải mã các nền văn minh cổ xưa qua những dấu vết của các hiện vật và di chỉ lịch sử bất cứ ở đâu trên thế giới. Bây giờ niềm say mê ấy không còn nữa, ông đã mệt mỏi lắm rồi.

Hôm kia, thật là ngạc nhiên, *Robinson* nhận được thư của *Jabindu* do một du khách người Mỹ - vốn là sinh viên cũ của ông- trao lại, sau cuộc hành hương từ *Népal* và Tây Tạng trở về. Thư của *Jabindu* có một đoạn nội dung như sau: “*Từ biên giới Népal, theo đường bộ hiểm hóc, cheo leo lên Tây Tạng, chừng ba trăm ki-lô-mét - đi bằng xe trâu kéo - sẽ gặp một ngọn núi thơ mộng màu ngọc bích, có một cây đại thụ lá đỏ chừng hai ngàn tuổi đứng ngạo nghễ một mình... Từ đó, về hướng Tây chừng vài ba ki-lô-mét, gặp một con suối; bạn cứ đi mãi lên thượng nguồn... Hãy nhìn vào các vách đá liền lác kéo dài, chỗ những mặt phẳng nhẵn bóng, nơi nào có những ký tự thuộc ngữ hệ Pàrkrit cổ; bạn luôn sâu vào một vài hang động: tôi đang ở đây và đang thọ hưởng hạnh phúc từ “nền văn minh cổ xưa” của mình. Bạn hãy đến đây, sau mùa xuân, khi tuyết đã tan, tôi sẽ tặng bạn một bức tranh vô giá được hoạch đắc từ xứ sở lạc hậu này.*”

Cầm lá thư ố vàng và nhàu nát trong tay, *Robinson* phân vân với nhiều nghi vấn. *Jabindu* đã là một tu sĩ rồi chẳng? Và sao lại là một bức tranh? Ông bạn kỳ quặc này trao câu đố như thế là có ý nghĩa biểu tượng gì? Nó có liên hệ chút nào đến sự bất an và vô vàn câu hỏi bức xúc hiện nay của ta? Ôi, đã lâu lắm rồi, người bạn Châu Á ấy: Ông ta có đôi mắt sâu hun hút của những huyền sử, của những vấn nạn triết học, của những thắc mắc siêu hình cùng những cực đoan tâm linh khi nhìn về nền văn minh Tây phương tân tiến, mà ông ta coi là quá đổi hời hợt và còn quá non trẻ. Ông nói nguyên văn là, một vị- thành- niên tri thức chưa có độ chín! Họ đã tranh cãi với nhau rất nhiều lần. Và lần nào cũng bế tắc, cùng đường. Ví như *Jabindu* nói:

- Nền văn minh của các bạn đã đi ngược đầu hơn hai nghìn năm kể từ thời *Aristote*. Ấy là con đường của lý trí khôn ngoan nhưng chẳng minh triết chút nào. Là lộ trình của điên đảo và hủy diệt...

- Không. Nền văn minh nào cũng là sự kế thừa của những thành tựu khoa học. Là chất xám đặc như keo, là sự thai nghén khổ hạnh của những tế bào não, là tiếp truyền trí tuệ đỉnh cao của loài người qua nhiều thiên niên kỷ. Chính nguyên nhân đói nghèo, lạc hậu... của Đông phương các bạn là do tự mãn, do quay lưng với khoa học và còn do coi thường vật chất nữa... Một kiểu tự mãn tâm linh cố chấp và kỳ quặc!

*Jabindu* cười to:

- Tự mãn là đúng- vì nền văn minh hiện đại của các bạn có nguyên động lực bên trong là dục vọng và bản ngã chiếm hữu. Đây là tâm thức sơ khai, gần với bản năng, biểu hiện một loại người chưa được tiến hóa về tâm linh cho lắm.

*Robinson* cũng cười. Lại nhạo:

- Đói nghèo, cơ cực, tối tăm và bệnh tật... là thực trạng của nền văn minh tinh thần của loại người tiến hóa cơ đấy.

*Jabindu* trả miếng:

- Chiến tranh, hận thù, khủng bố, bất an, động đất và bão lụt...; bất an giữa các giá trị đức lý, xung đột giữa các chủ thuyết và rối loạn giữa những ý thức hệ... Tất cả những hiện trạng đó đưa đến bất hạnh, thống khổ và điêu tàn... Đây chính là thành quả do nền văn minh vật chất ưu việt mà các bạn hiến tặng cho loài người!

*Robinson* cười nhạo:

- Vì là ưu việt nên chúng tôi có đời sống cao sang, tiện nghi vật chất phong phú và chói lộn. Còn các bạn... thì được núi rừng, được thảo nguyên hoang sơ, được các thôn ấp, nhà cửa tối tăm với gián với chuột với muỗi mòng...; đi đâu cũng thấy phân và rác, những vũng nước tù đọng...; đến nỗi không có cả một công trình vệ sinh tối thiểu... Đây không phải là sống, là đời sống- mà chỉ là cách thức để tồn tại- của những bộ lạc tiền sử thời còn săn bắt hái lượm...

- Đúng, đúng... *Jabindu* gật đầu lia lịa - Nói chung, Đông phương là như thế, nhưng đâu phải là tất cả, bạn đừng vợ đũa cả nắm! Vì tri túc với cái ăn, cái mặc, cái ở... nên họ mới xuất sinh được các bậc hiền triết, có sinh hoạt tâm linh phong phú, có đời sống chan chứa nhân văn, thiên nhiên và tình người; có nội tâm khiết đạm, thanh bình; không có những cuộc cạnh tranh khốc liệt trên mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội; không có bóp óc, nặn trán, tính toán chạy theo lợi nhuận, năng suất, bạc tiền hoặc những mục đích trục vật hư dối ở bên ngoài. *Hạnh phúc của họ là ở bên trong, Robinson!*

- Bên trong! Làm gì có cái gọi là hạnh phúc bên trong nếu không do các điều kiện tối ưu ở bên ngoài quyết định? Ảo tưởng đấy, *Jabindu!*

- Nó tự có. Nó có thật, Robinson! Bạn không thể hiểu nổi đâu!

*Robinson* vuốt vuốt mũi, châm chọc:

- Khi nào bí là bạn tung hỏa mù siêu hình rồi chạy trốn, giỏi lắm!

- Bạn chưa bước vào ngưỡng cửa lãnh địa của sinh hoạt tâm linh thì nói gì cũng như đối thoại với người điếc. Bạn gọi nó là siêu hình hay là gì gì thì tùy thích. Còn tôi thấy nó rất thực tế. Nó là cái thực nhất, *Robinson!*

Cuộc tranh luận, *đấu khẩu* nào cũng đưa đến nhị nguyên, hai đảng cố thủ hai bên: Bên này và bên kia; bên trong và bên ngoài; vật chất và tinh thần... Người phát triển chiêu thức biến hóa. Người huân công nội lực tiềm ẩn. Không bao giờ ai chịu thua ai. Không bao giờ họ chịu ngồi chung một chiếu mạn đàm. Và rồi họ châm chọc nhau, đả kích nhau rất gay gắt, chua chát nhưng không kém phần thú vị, vui vẻ. Tuy nhiên, *Robinson* vẫn luôn cho rằng, Tây phương ưu việt là nhờ phát triển khoa học, nhờ thông tuệ, nhờ không ngừng tìm kiếm và sáng tạo. Đông phương đói nghèo và lạc hậu... cần phải mượn chiếc đũa thần khoa học của Tây phương. Cần phải được khai hóa. *Jabindu* thì bảo là chúng tôi không cần sự ưu ái của các bạn: Sự khai hóa ngược đời, ngu ngốc ấy! *Trâm tư và thiên định mới là hạnh phúc đích thực của chúng tôi.*

Mặc dầu quan điểm đôi bên không dung hợp được nhưng tình bạn giữa họ với nhau thì thật vô cùng thâm thiết. Cứ hễ xa nhau là thấy nhớ, như âm với dương. Có một thời hai người còn liên lạc khăng khít với nhau. Trong lá thư cuối, cách đây hơn mười năm, *Robinson* cảm nhận là dường như bạn mình đã có lối thoát, đã có con đường nào đó rất sáng tỏ. Còn ông, càng đi sâu nghiên cứu các nền văn minh cổ xưa chừng nào thì những lý luận ngoan



cổ, phản khoa học của *Jabindu* càng trở nên thuyết phục. Qua những kết quả tìm thấy trên những đồng tro tàn đổ nát của lịch sử, dù bia mộ bí mật, chữ viết tượng hình hay các ký hiệu, biểu tượng thần, thánh, người, vật phức tạp... *Robinson* đều đi đến một hệ luận chung quyết, một kết quả giống nhau: Sau cái khuôn vỡ hào nhoáng của văn minh, thời nào cũng thế, thường tồn tại những thảm trạng đen tối, những phản ứng phụ nguy hiểm! Cũng như sự thực của nền văn minh đương đại: Con người ngày nay, ngày càng trở nên máy móc và tha hóa. Mọi giá trị nhân sinh, mọi nền tảng đức lý đều điên đảo và rệu rã. Trái tim và tâm hồn của công dân thời đại hạ nguyên tử đã trở nên khô cứng vì họ phát huy hết công suất tối đa cho cái cỗ máy lý tính. Những tệ trạng xã hội tung rải mầm độc cho tuổi trẻ và các thế hệ tương lai. Chiến tranh và nạn khủng bố đe dọa mạng sống của cư dân trái đất. Người ta đã hủy phá thiên nhiên một cách tàn bạo, không thương tiếc; môi trường của hành tinh xanh bị nhiễm ô, bị vấy bẩn thối tha do hóa chất và rác thải công nghiệp. Khói, bụi, vi trùng, siêu vi, khí độc... đầy đặc trong không gian, máu huyết, óc não, trong hơi thở và cả trong trái tim người! Tất cả đây không được gọi là sự điều tàn thê lương của noạ tính, của hổ thảm, của hủy diệt là gì? Nền văn minh hiện nay- niềm tự hào của ông- kết quả cuối cùng sẽ bi thảm như thế, như nó đã từng diễn ra trong lịch sử. *Robinson* chợt nhớ bạn một cách da diết. *Jabindu* đã có lý. Đúng là ông bạn của mình thuộc loại người tiến hóa bậc cao. Bậc thầy siêu việt. Hay là những tiên tri thời đại?

Lá thư với những dòng chữ vẽ một địa chỉ mơ hồ, nhưng *Robinson* có bốn phận phải tìm cho ra. Và ông đã tìm ra. Những vách đá và những hang động huyền bí, hoang sơ dường như chưa có vết chân người. Nắng, bụi, mồ hôi, dốc cao, vực sâu... như trò chơi oái ăm, gian lao muốn thử thách ý chí và nghị lực của *Robinson* từ ông bạn già Đông phương tinh nghịch. Từ từ, chậm rãi, *Robinson* luồn sâu mãi vào các hang động. Đây rồi! Một hình hài gầy khô như que củi đang tọa thiền trong ánh sáng nhờ nhờ, nhưng *Robinson* vẫn nhận ra vóc dáng quen thuộc của *Jabindu*. Ông đứng lặng rất lâu. Lẽ nào đây là cứu cánh của kiếp sinh tồn? Lẽ nào đây là hình ảnh của người đã tìm ra niềm bình an vĩnh cửu? Trong không gian tịch mịch, lắng đọng... thời gian như lùi lại cả hàng ngàn năm, tri giác ông chợt như khói như sương, mỏng manh và bất thực. Những ký tự không phải *Pàli*, không phải *Sanskrit* đầy đặc nơi những vách đá cho *Robinson* hiểu rằng: *Jabindu* đã thâm ngộ một điều gì đó rất phi thường ở đây. Có lẽ là một phép luyện tâm của một nền văn minh cổ xưa nào còn lưu lại chăng?

- Rồi bạn sẽ biết chúng nói gì! *Jabindu* đứng lên từ trong bóng tối, phá tan sự yên tĩnh- Chúng là một loại cổ ngữ pha trộn phức hợp, chưa hoàn

chính, sau này thành ngôn ngữ *Pàrkrit*. Tôi đã đọc được chúng. Hóa ra là kinh Phật. Nếu muốn nghiên cứu, bạn sẽ có những tấm dập âm bản tương đối rõ ràng. Nay *Robinson*! Bạn khỏe chứ?

Cả hai ôm lấy nhau, siết chặt. *Jabindu* dìu bạn mình đến một hóc hang động có ánh sáng, đốt thêm một ngọn đèn từ mỡ trâu *Yark*. Trong không gian yên tĩnh, cố sơ... *Jabindu* đã “người bạn văn minh” của mình nước mưa và trái cây rừng. Bây giờ, *Robinson* mới nhìn thấy rõ *Jabindu* hơn: Khuôn mặt queo quắp, rấn đanh, gầy ốm, xương xẩu, tóc râu lún phún muối tiêu...; quàng trên người một tấm vải màu cứt ngựa quệt thổ hoàng. Đặc biệt là đôi mắt cực sáng, biểu hiện một sức sống nội tâm mãnh liệt. Trước mặt *Robinson* là hình ảnh một đạo sĩ sống cách đây vài nghìn năm. .. Như cổ tích. Như huyền sử...

- Mừng cho bạn đã được bình an! *Robinson* đọc được điều đó và cảm thán mở lời.

*Jabindu* cười nhẹ:

- Còn hơn thế nữa, *Robinson*! Tôi đã không còn bất cứ một câu hỏi nào. Tất cả trí và tâm đều đã trở nên vắng lặng.

- Tuyệt - *Robinson* nắm chặt bàn tay xương xẩu và nhìn sâu vào mắt người đối diện - Hồi xưa, bạn có lý, *Jabindu*!

Vị sa-môn gật đầu chẳng khiêm tốn tí nào, rồi lại lắc đầu:

- Bây giờ, không phải là cái lý, dù hữu lý - mà là ***cái thực*** - *Robinson*!

*Robinson* tin bạn mình nói thật, nhưng ông vẫn chưa biết đó là cái gì, bèn nhích tới, có vẻ chăm chú, rồi hỏi:

- Nó là cái gì? Có phải là hiểu và biết không, *Jabindu*?

- Không phải thế. Phạm trù của cái hiểu và biết rất giới hạn. Nó luôn luôn có điều kiện và có đối tượng... Cái hiểu và biết ấy là quá khứ, là thời gian và sinh tử, *Robinson*!

- Tôi có thể chưa hiểu. Vậy nó có phải là trạng thái không?

- Lại càng không, *Robinson!* Trạng thái nào, dù an lạc tuyệt đỉnh, chúng cũng chảy trôi, không có một điềm tựa thực hữu, chỉ là sự hội tụ mong manh của các năng lượng!

*Robinson* nhăn mày:

- Vậy nó là cái gì?

*Jabindu* trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Dù tôi nói nó là cái gì - thì cả bạn, cả tôi cũng sẽ mãi đóng đinh chân nhau, không đi ra khỏi cái phạm trù của hiểu và biết. Chúng ta vẫn bị nó quy định và giới hạn từ khi bắt đầu có nhận thức. Lý do tôi biên thư mời bạn đến đây cũng vì lẽ đó...

Nói xong, *Jabindu* bước tới vách đá, thò tay vào khoảng hờ bên trong, lấy ra một bức tranh rất cổ, lồng trong một khung gỗ đen sì được bọc kỹ lưỡng bằng một tấm da dê rất mịn... Bụi và màn nhện bám đầy. Vừa lau chùi khung hình, *Jabindu* vừa nói chuyện:

- Thầy tôi là đệ tử chân truyền của đức *Maha± Kassapa*, người đã duy trì mạng sống hơn hai ngàn năm nay chỉ với một mục đích duy nhất là bảo vệ Tam Tạng trên vách đá, đồng thời chờ đợi một người đệ tử có căn cơ để trao truyền sở học cùng kinh nghiệm tâm linh tu chứng. Tôi là người được chọn. Bạn tin hay không tin điều tôi vừa nói cũng chẳng quan hệ gì! Kinh nghiệm tâm linh tu chứng nhận được từ thầy, tôi đã trao truyền cho một nhóm đệ tử; hiện giờ họ đều đang ẩn cư, chờ lúc nào thuận duyên sẽ đi hóa độ nhiều phương. Còn lưu hậu và hoằng truyền kinh văn thì tôi sẽ trông cậy ở nơi bạn vậy...

- Tôi hiểu rồi. Tất là giải mã động kinh văn này rồi dịch nó ra tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, in ấn rồi lưu truyền. Việc ấy tuy khó nhưng không phải không làm được. Bằng hữu của chúng ta có rất nhiều học giả ưu việt và nhiệt tình. Họ làm việc rất khoa học và rất nghiêm túc...

- Tôi cũng tin là như vậy.

- Thế còn bức tranh này?

*Jabindu* dựng bức tranh ở chỗ có nhiều ánh sáng nhất. Tranh gần như là tượng trưng, ẩn tượng hay siêu thực? Trông thì rất cổ xưa mà cũng rất

hiện đại. Khó biết chất liệu giấy. Mực màu thì dường như được mài ra từ các loại ngọc; còn nội dung thì chúng chìm ẩn, lấp lánh đa sắc với nhiều hình tượng xen lẫn rất khó cảm nhận, rất khó thông hội...

- Nó là cái gì? *Robinson* không dừng được, cất tiếng hỏi.

*Jabindu* nở nụ cười như hoa sen hé nhụy:

- Nếu là gì thì chúng ta lại loay hoay nơi cái chỗ *hiểu và biết* mất thôi!

*Robinson* cười xòa:

- Vậy tôi sẽ không hỏi nữa, chỉ nghe thôi!

*Jabindu* chậm rãi nói:

- Tác giả bức tranh này là ai thì thầy tôi không nói, nhưng người đã cất giữ như một bảo vật. Nghe đâu là của một nhà sư nghệ sĩ vô danh, trong cơn thiền định xuất thần, ông đã làm nên tuyệt tác ấy. Mọi ý nghĩa của nó nằm ẩn sâu hút bên sau mọi đường nét, mọi sắc màu biểu tượng. *Bức tranh phải được quay mặt về hướng Đông*. Chính ánh sáng và dương khí của mặt trời chiếu dội và tác động vào thì màu sắc của các loại ngọc mới ửng lên, mới hiển hiện đúng sắc độ cần thiết, đúng đích thực cái điều mà bức tranh muốn nói... Còn nếu không, bức tranh chỉ còn là một bức tranh đẹp, cổ xưa và quý báu, vậy thôi... Bạn có thể bán nó với giá mấy triệu mỹ kim!

*Jabindu* dí dỏm. Cả hai cùng cười xòa. Sau đó, *Jabindu* cốt giữ một khoảng lặng để cho *Robinson* ngắm soi nhìn ngắm bức tranh; và cũng để cho ông ta tha hồ cảm nhận, tha hồ tưởng tượng...

Thời gian trôi qua... trôi qua... *Robinson* phát biểu:

- Thật lạ lùng. Khi tôi nghĩ nó là một bức tranh phong cảnh thì nó hiện ra đúng là một bức tranh phong cảnh. Một phong cảnh kỳ tuyệt, dường như là không có thật ở trên đời: Một cảnh thần tiên nào đó, mà, các nàng *Apsara* và hoa và lụa với những vũ điệu dập dờn, uyển chuyển, nhẹ nhàng trong khúc hát nghệ thuật vô cùng thanh khiết. Nó thanh khiết... đến từng hạt bụi, hạt sương... Khi tôi nghĩ nó là một biểu tượng tôn giáo thì tôi thấy cả hàng sa đức Phật và Thánh chúng giữa những vàng mây ngũ sắc, trên những bảo tọa hoa sen... tất cả đều tịch lặng, thanh trong và vô nhiễm...

- Đúng vậy! *Jabindu* tiếp lời- Còn nữa, còn nhiều nữa... Cứ hễ chúng ta nghĩ là gì thì nó sẽ hiện ra như thế, đúng như tâm và tưởng của chúng ta vẽ ra. Hàng trăm, hàng ngàn cảnh... nhưng vẫn chưa hết, chưa đủ... Tuy nhiên, tất cả chúng chỉ là ảo ảnh, cái do ta tưởng tượng mà nên. Còn cái thực thì bức tranh phải được quay mặt về hướng Đông. Rồi, cứ thế mà nhìn ngắm, chẳng rõ thời gian bao lâu, một lúc nào đó, trong một sự tình cờ thế nào đó, cái thực nó sẽ hiện ra, *đúng như mà nó là...*

*Robinson* trầm tư giây lâu, thắc mắc:

- Tôi tin lời bạn. Nhưng ***cái thực*** ấy để mà làm gì? Nó ích dụng gì cho tôi, *Jabindu*?

- Lúc ấy bạn sẽ không còn một câu hỏi nào nữa. Bạn sẽ khai mở được mọi bế tắc, sẽ vượt qua phạm trù của hiểu và biết.

*Robinson* tự nghĩ: “*Nền văn minh tin học hiện nay dựa trên những kỹ hiệu, mã số tạo nên muôn trùng sinh hoạt ảo, sẽ rơi vào hố thẳm, đấy là điều chắc thật. Sự tìm kiếm của thời đại hạ nguyên tử cũng đang hoang mang, cùng đường. Hạt hay sóng cũng chỉ là năng lượng. Thực thể tối hậu là gì thì khoa học cũng đang còn ngỡ ngàng. Điểm tựa cuối cùng của nhân loại vẫn đang còn là ân số. Nhưng bây giờ, ở đây, trong không gian cô sơ này, sự bình an của bạn ta rõ là một sự thực không cần bàn luận, lý giải...*”

*Jabindu* nắm chặt hai vai bạn, lay mạnh:

- Hãy mang bức tranh này về phương Tây, *Robinson*! Chỉ với một yêu cầu duy nhất: *Bức tranh phải được quay mặt về hướng Đông*. Đây là sở nguyện của tôi như đề đáp tạ tình bạn cố tri, và đồng thời, tri ân bạn trong công trình kinh điển gian khổ sau này.

Ông thở một hơi nhẹ nhõm rồi tiếp:

- Sau khi trao bức tranh, tôi chẳng còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa. Mong rằng, bạn sẽ được bình an. Đây có thể là lời vĩnh biệt, *Robinson*!

Lưu luyến chưa vội từ giã, nấn ná suốt mấy ngày, *Robinson* mới bùi ngùi cất bước ra đi. Khi máy bay lên độ cao, nhìn xuống những dãy núi trùng điệp, hoang sơ, mây, tuyết và khói sương dật dờ... *Robinson* vẫn chưa tin là vào thế kỷ hai mươi mốt này, lại còn có những bậc minh triết ở ẩn, khước từ đường như tuyết đối ánh sáng văn minh, sống an nhiên và tự tại

với nhu cầu thanh bạch của một cánh chim rừng, dường như không cần một đòi hỏi vật chất nào! Cái gọi là đời sống tâm linh thuần túy không phải là hoang đường và phi thực!

Khi đã ở trong ngôi biệt thự cao sang với những tiện nghi hiện đại nhất ở *Los Angeles*, *Robinson* còn mang cảm giác như mình đã từ mấy nghìn năm lịch sử trở về. Việc đầu tiên là ông mở vội bức tranh huyền bí, kiểm tra lại xem việc vừa xảy ra là thực hay là mộng. Bức tranh sờ mó được, là có thực. Nhưng câu nói cuối cùng của *Jabindu* thì đúng lời trần trời có cánh và có lửa. Chúng hàm tàng nội lực tu chứng cùng nhiều ẩn ý. Việc phiên dịch toàn bộ Tam Tạng là một công trình dài hơi, nhưng chưa phải là cấp bách. Tìm một vị trí thích hợp để tôn trí bức tranh là việc quan trọng, ông không thể phụ lòng *Jabindu* được. Lại nữa, nó là sự bình an của chính ông.

Mang bức tranh bước vào thư phòng, *Robinson* nhìn hướng mặt trời rồi ngắm nghĩa. Một lúc, ông bước tới, bước lui, nhìn từng cửa sổ, nhìn các phòng ốc kế cạnh, nhìn ra vườn... Lát sau, ông lấy la bàn ra xem, đo đạc, tính toán... *Robinson* chột suy nghĩ rất lâu. Ông như đắm chiêu, bất động...

Suốt hai ngày, *Robinson* không muốn ăn, không muốn ngủ; ông như ở trong trạng thái không phải tỉnh, không phải mê. Ngày thứ ba, *Robinson* vùng dậy, lấy điện thoại đăng ký máy bay trở lại *Népal*...

Dường như *Jabindu* biết trước việc xảy ra, nên lần này ông đón bạn từ dưới chân núi với nụ cười rất lạ. *Jabindu* dìu bạn từng bước một, thân thiện, ân cần... Nhưng *Robinson* thì rất nóng vội:

- Không thể được, *Jabindu*!
- Bạn nói cái gì không thể?
- Bức tranh mà bạn cho, không thể treo ở đâu được cả!
- Tại sao?

Đợi cho đến khi trở lại hang động, *Robinson* mới nói rõ lý do:

- Này nhé, *Jabindu*! Đầu tiên, bước vào thư phòng, tôi nhắm hướng Đông để tôn trí bức tranh. Muốn chính xác phải cần đến la bàn. Nếu đúng là hướng Đông thì thư phòng phải quay chênh một góc gần ba mươi độ. Cũng được, không sao. Nhưng nếu thiết kế lại phòng sách thì phòng ngủ, phòng

bếp, phòng nghiên cứu, phòng khách, phòng ăn... hoàn toàn phải thay đổi, phải vẽ lại hết. Giả dụ mất nửa triệu đô-la để làm việc ấy thì cũng xứng đáng. Thấy được cái thực với giá ấy thì quá rẻ. Tuy nhiên, khi nhìn ra vườn thì tôi mới thật sự bối rối, hoảng kinh. Nếu toàn bộ hướng nhà thay đổi thì khu vườn cũng phải thay đổi. Thay đổi khu vườn của mình, hy sinh được, nhưng ảnh hưởng các căn nhà và những khu vườn bên cạnh thì phải làm sao! Có thể thương lượng với họ được không? Rất khó. Nhưng khó hơn là con đường trước mặt - lối chính vào thành phố - sẽ biến thành kỳ quặc. Ông thị trưởng, hội đồng kiến trúc sư, các nhà quy hoạch cũng như dân chúng, không ai cho phép một người bất bình thường hoặc một gã tâm thần làm việc điên rồ đó...

Nghĩ lầy hơi một chút, *Robinson* tiếp tục:

- Càng nghĩ, tôi càng bàng hoàng, *Jabindu!* Nếu tôi treo được bức tranh hướng mặt về phía Đông thì tôi phải thay đổi cả thành phố *Los Angeles*...

*Jabindu* có vẻ ngạc nhiên:

- Kinh khiếp đến thế cơ à?

- Chưa đâu, *Jabindu!* Nếu thay đổi thành phố *Los Angeles* thì các xa lộ, đại lộ, đường cao tốc Bắc, Nam, Đông, Tây đều phải thay đổi. Theo đó, cả nước Mỹ phải thay đổi...

*Jabindu* gật đầu, nhú mày:

- Đúng là như thế thật!

- Chưa đâu, *Jabindu!* Khi bản đồ nước Mỹ mà được vẽ lại thì các sân bay, những trạm, những ga, những bến tàu sẽ tìm chỗ khác thích hợp hơn. Và thế là sự rối loạn sẽ như đĩa xúp hùm-bà-lăng. Nước Mỹ sẽ có chiến tranh. Thế giới chiến tranh: Chiến tranh kinh tế, chiến tranh thương trường, chiến tranh dầu hỏa, chiến tranh xây dựng, chiến tranh thủ đoạn, man trá và lọc lừa... Nói tóm gọn một câu: muốn treo được đúng hướng bức tranh quý quái này thì phải thay đổi cả thế giới...

*Robinson* thở dài, đưa cả hai tay lên trời như đầu hàng, bỏ cuộc. Sau đó, trân trọng trả lại bức tranh cho *Jabindu*:

- Món quà trân quý này, tôi không có duyên phận, xin hoàn về cố chủ!

*Jabindu* hững hờ đặt tay lên bức tranh, nhìn thẳng vào mắt *Robinson*, cất giọng trang nghiêm:

- Cũng tương tự thế là ***cái thấy***, này *Robinson*! *Cái thấy làm thay đổi thế giới, thay đổi toàn bộ thế giới...*

- *Cái thấy* ấy... làm sao?

- *Là thay đổi cách nhìn. Nó vượt qua phạm trù của hiểu và biết. Nó chính là tuệ giác. **Cái thấy của tuệ giác...***

*Robinson* tròn xoe mắt, ngo ngác với những dấu hỏi tận cuối chân trời. Giọng nói của *Jabindu* từ miền chân không của ý tưởng, vẫn an nhiên, trầm ấm rót nhẹ vào tai:

- Chính *tư, tưởng và thức* là thủ phạm làm cho cái nhìn của chúng ta bị sai lệch, đảo điên. Cái hiểu và biết của chúng ta về thế giới, nhân sinh... cũng từ đó mà phát sanh sai lầm, cục bộ... Triết học, các hệ thống tư tưởng, các ý thức hệ... từ xưa đến nay đã đưa ra những phán quyết chủ quan, tự thị... đã đẩy nhân loại đến chỗ tranh chấp, tương tàn và hủy diệt nhau... Nền văn minh cà-rốt, bột mì, thông tin, điện tử, các giá trị ảo... không giải quyết nổi cái quần quai, đau khổ, bần loạn của tinh thần con người. *Phải xoáy cái nhìn vào bên trong, Robinson! Phải thay đổi cái nhìn ấy: Một cái nhìn trạm nhiên, trong suốt, vô vi, mới mẻ... không qua phân tích, lý giải, không bị nó lệ bởi tư, tưởng và thức, này Robinson!*

*Robinson* có vẻ trầm tư, nhưng vẫn nghe rõ mồn một lời của *Jabindu* vang vọng giữa động sâu, như ở ngoài không- thời- gian:

- *Toàn bộ thế giới đang ở nơi tâm trí bạn đều là sản phẩm của tri kiến quá khứ. Đã cũ kỹ. Đã ám khói. Đã úa vàng. Đã chết rồi. Bạn không dám thay đổi thế giới, thì vĩnh viễn, không bao giờ có được cái thấy tự tại, giác ngộ, tinh khôi ấy đâu, Robinson!*

***(Truyện ngắn hay năm 2006***

***Tạp chí Văn nghệ Thứ bảy***

***Phụ bản Tết Đình Hối 2007)***



---o0o---

**HẾT**